

PHỤ LỤC CÁC CHÍNH SÁCH, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÁN BAN HÀNH HOẶC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Loại văn bản Số kiến nghị, ngày ban hành, nội dung văn bản quy phạm pháp luật	Kiến nghị ban hành/ sửa đổi, bổ sung
1	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 16/11/2014 Luật	<p>- Theo quy định của Luật Đầu tư thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án đầu tư bên ngoài các khu công nghiệp, khu chế xuất là UBND tỉnh. Thực tế thực hiện tại các địa phương, có nhiều dự án có quy mô nhỏ (diện tích, quy mô vốn đầu tư) của các hộ gia đình, cá nhân trong các lĩnh vực. Để giám tài cho các cơ quan đầu mối ở cấp tỉnh và thuận tiện cho các hộ gia đình, cá nhân, Đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư nội dung quy định về việc phân cấp cho UBND cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án của các hộ gia đình, cá nhân theo thực tế của các địa phương.</p> <p>- Hiện nay, theo quy định của Luật Đầu tư thì các dự án của Nhà đầu tư trong nước hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ thấp hơn 51% vốn điều lệ khi thực hiện dự án không thuê đất (chi thuê lại nhà xưởng hoặc mặt bằng của đơn vị kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp) hoặc nhận chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất; tài sản gắn liền với đất sẽ không phải thực hiện các thủ tục hành chính về đầu tư (không quyết định chủ trương đầu tư, không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư). Điều này gây nhiều khó khăn cho các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư trong việc quản lý dự án đầu tư trên địa bàn. Vì vậy, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, quy định việc xử lý đối với các trường hợp nêu trên theo hướng phải cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc phải có Thông báo về việc thực hiện dự án gửi về cơ quan đăng ký đầu tư và chỉ được triển khai dự án khi có văn bản Thông báo xác nhận đủ điều kiện thực hiện dự án của cơ quan đăng ký đầu tư.</p>
2	Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014 Luật	<p>Theo quy định tại khoản 2, Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 thì Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường là căn cứ để quyết định chủ trương đầu tư; cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Do đó, thủ tục phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường phải thực hiện trước khi thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư; cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Việc thực hiện đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường như trên đã gây khó khăn cho Nhà đầu tư trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính về đầu tư, do chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư không có cơ sở để thực hiện việc đánh giá, thăm dò, lấy mẫu tại địa điểm thực hiện dự án. Bên cạnh đó, một số dự án được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng có thể</p>

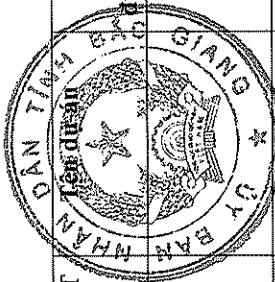
		<p>không được chấp thuận chủ trương đầu tư (do địa điểm thực hiện dự án không phù hợp với các quy hoạch liên quan),... Điều đó đã gây khó khăn và tốn kém cho Nhà đầu tư. Vì vậy, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến đề sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường theo hướng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các dự án có đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất đề nghị cho phép nhà đầu tư lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt sau khi được chấp thuận chủ trương đầu tư và trước khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất. - Đối với các dự án không có đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất (có đất sẵn hoặc đi thuê lại nhà xưởng) thì yêu cầu Nhà đầu tư lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
3	Luật	<p>Luật Đất đai số 45/2013/QH13</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi thẩm quyền thu hồi đất công ích: theo Điều 66 Luật Đất đai thẩm quyền thu hồi đất công ích thuộc UBND cấp tỉnh; đề nghị sửa thẩm quyền UBND cấp huyện. - Bổ sung đối với trường hợp thu hồi đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư kinh doanh. - Sửa đổi thẩm quyền thẩm định, phê duyệt giá đất cụ thể để tính toán bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại Điều 114 Luật Đất đai thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện để tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong điều chỉnh, bổ sung hồ sơ, rút ngắn thời gian thực hiện, đẩy nhanh tiến độ dự án. - Theo quy định tại Điều 45 Luật Đất đai, Chính phủ phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; UBND cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện; UBND cấp huyện trình UBND cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện, trong đó đã thể hiện rõ diện tích đất trồng lúa, đất trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng được phép chuyển mục đích sử dụng đất. Đề nghị bãi bỏ khoản 1 Điều 58 để giám thu tục hành chính, giảm thời gian trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư có sử dụng đất trồng lúa, trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. - Sửa đổi Luật Đất đai đối với lĩnh vực quy hoạch sử dụng đất nên triển khai từ cấp huyện đến cấp Quốc gia để UBND các cấp chủ động trong việc xác định nhu cầu sử dụng đất của cấp mình. - Hướng dẫn cụ thể các trường hợp giao đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất theo điểm b, Khoản 2, Điều 118, Luật Đất đai.



PHỤ LỤC 2. CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI ĐÔ THỊ CÓ QUY HOẠCH ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH
(Từ ngày 01/7/2014 đến hết năm 2018)

TT	Khu đô thị Bách Việt Lake Garden, phường Đình Kế, TP Bắc Giang	Số lần điều chỉnh/Thời điểm điều chỉnh	Số lần điều chỉnh/Thời điểm điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh	Cơ quan phê duyệt điều chỉnh quy hoạch
1	Số lần: Lần 1	Số lần: Lần 1	Theo Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 03/6/2016: * Đánh số lại hệ thống ký hiệu các lô đất, đảm bảo tính đồng bộ, khoa học, hợp lý cho tên gọi các lô đất theo loại đất, khu vực (Có bảng thống kê điều chỉnh ký hiệu lô đất của chủ đầu tư kèm theo). * Vị trí 1: Tại tuyến đường cắt phía Tây Bắc (giáp cây xăng đường Lê Lợi). Mở rộng ranh giới quy hoạch tại tuyến đường cắt phía Tây Bắc (giáp cây xăng đường Lê Lợi), phân mở rộng ranh giới có diện tích khoảng 453m ² được quy hoạch đất giao thông để đầu nối với đường Lê Lợi và hệ thống hạ tầng kỹ thuật với khu dân cư số 2. * Vị trí 2: Tại lô đất CC-01, CX-03, CX-04, MN (theo ký hiệu cũ). Điều chỉnh vị trí, diện tích các lô đất công cộng CC-01, đất cây xanh CX -03, CX-04, đất mặt nước MN; sau khi điều chỉnh, lô đất công cộng CC-01 có diện tích 3.950m ² , đất cây xanh CX-04 có diện tích 1.978m ² , CX-03 có diện tích 9.594m ² , đất mặt nước MN có diện tích 25.994 m ² . * Vị trí 3: Khu vực nút giao thông ngã 5 phía Đông Bắc (Nút N45): Điều chỉnh nút giao nhau của 5 tuyến đường thành nút giao nhau của 4 tuyến đường; * Điều chỉnh chia lô các lô đất ở: + Điều chỉnh lô đất ở biệt thự song lập SL-01 (cũ) có diện tích 917 m ² sang đất ở liền kề có ký hiệu mới LK-01; + Điều chỉnh một phần 581m ² tại lô đất LK-02 (cũ), 564m ² tại ô đất LK-05 (cũ) sang đất ở biệt thự song lập ký hiệu mới SL-01 và SL-03; điều chỉnh một phần 569 m ² đất ở liền kề LK-09 (cũ) sang đất ở biệt thự ký hiệu mới BT-02; + Điều chỉnh lô đất ở biệt thự BT-01 (cũ) có diện tích 2.330m ² sang đất biệt thự song lập ký hiệu mới SL-02; điều chỉnh lô đất ở biệt thự BT-04 (cũ) diện tích 1.568 m ² và một phần 279m ² LK-06 (cũ) sang đất ở biệt thự song lập ký hiệu mới SL-04; + Điều chỉnh lô đất ở biệt thự song lập SL-12 (cũ) có diện tích 957m ² sang đất ở liền kề có ký hiệu mới LK-12; + Điều chỉnh chia lô lại lô đất ở biệt thự song lập sát khu dân cư hiện hữu: SL-03, SL-04, SL-08, SL-09, SL-10; * Điều chỉnh tuyến cống thoát nước từ khu dân cư số 2 qua khu vực lập quy hoạch từ 2 cống B1,0x1,0m sang cống hộp kích thước B3,0x2,5m theo đúng quy hoạch chung thành phố Bắc Giang đã được phê duyệt; * Điều chỉnh các tuyến ống cấp nước, cấp điện phù hợp với các tuyến giao thông được điều	UBND tỉnh	

TT	Tên dự án	Số lần điều chỉnh/Thời điểm điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh	Cơ sở pháp lý cho việc điều chỉnh	Cơ quan phê duyệt điều chỉnh quy hoạch
		Lần 2	<p>Theo Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 28/7/2017:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tại các lô (bao gồm: Đất trường mầm non có ký hiệu NT với diện tích 3.379m², lô đất ở biệt thự có ký hiệu BT-05 với diện tích 279m², lô đất ở biệt thự BT-08 có diện tích 162m², lô đất ở song lập có ký hiệu SL-07 với diện tích 467m², lô đất ở song lập có ký hiệu SL-08 với diện tích 548m², một phần đất cây xanh lô đất có ký hiệu CX-02 với diện tích 279m² và đất giao thông với diện tích khoảng 750m²) sang: Đất ở nhà cao tầng có ký hiệu CT với diện tích 3.214m², đất trường mầm non có ký hiệu TH1 với diện tích 2.196m², đất công cộng có ký hiệu CC-02 với diện tích 196m² và đất giao thông khoảng 255m²; - Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tại các lô (bao gồm: Đất công cộng có ký hiệu CC-01 với diện tích 3.950m², đất cây xanh có ký hiệu CX-03 với diện tích 9.594m², đất cây xanh có ký hiệu CX-04 với diện tích 1.978m² và đất mặt nước có ký hiệu MN với diện tích 25.994m²) sang: Đất công cộng có ký hiệu CC-01 với diện tích 4.277m², đất cây xanh có ký hiệu CX-03 với diện tích 10.299m², đất cây xanh có ký hiệu CX-04 với diện tích 2.290m² và đất mặt nước có ký hiệu MN với diện tích 25.004m²; - Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tại các lô (bao gồm: Đất cây xanh có ký hiệu CX-10 với diện tích 207m², đất công trình thể dục thể thao có ký hiệu TDTT-02 với diện tích 395m², đất ở liền kề có ký hiệu LK-11 với diện tích 1.072m², lô đất ở biệt thự có ký hiệu BT-06A với diện tích 631m², lô đất ở biệt thự có ký hiệu BT-06B với diện tích 367m²) sang: Đất cây xanh có ký hiệu CX-10 với diện tích 171m², đất cây xanh có ký hiệu CX-11 với diện tích 353m², đất công trình thể dục thể thao có ký hiệu TDTT-02 với diện tích 392m², đất ở liền kề có ký hiệu LK-11 với diện tích 1.914m²; - Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tại các lô (bao gồm: Đất công cộng có ký hiệu CC-02 với diện tích 1.147m², đất công trình thể dục thể thao có ký hiệu TDTT-01 với diện tích 2.229m², đất ở nhà cao tầng có ký hiệu CT-01 với diện tích 4.806m²) sang: Đất trường mầm non có ký hiệu TH-02 với diện tích 2.292m², đất thương mại dịch vụ có ký hiệu TMDV diện tích 1.798m², đất thể dục thể thao có diện tích 3.309m², đất bãi đỗ xe tính có ký hiệu P với diện tích 786m²; - Điều chỉnh các lô đất có ký hiệu: SL-01 với diện tích 581m², SL-03 với diện tích 564m², SL-04 với diện tích 1.847m², SL-06 với diện tích 1.191m², SL-09 với diện tích 637m², SL-10 với diện tích 1.407m², SL-11 với diện tích 1.484m² từ quy hoạch đất ở biệt thự song lập sang đất ở liền kề; - Điều chỉnh các lô đất có ký hiệu: BT-02 với diện tích 569m², BT-06 với diện tích 490m², một phần lô đất có ký hiệu BT-07 với diện tích 382m² từ quy hoạch đất ở biệt thự đơn lập sang đất ở liền kề; - Điều chỉnh các lô đất có ký hiệu SL-05 với diện tích 1.413m² và một phần lô đất SL-02 với 		UBND tỉnh



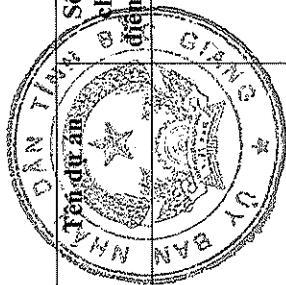
TT	Số lần điều chỉnh/Thời điểm điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh	Cơ quan phê duyệt điều chỉnh quy hoạch
	Lần 3	<p>diện tích 2.537m² từ quy hoạch đất ở biệt thự song lập sang quy hoạch đất ở biệt thự đơn lập.</p> <p>Theo Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 30/01/2018:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm mật độ xây dựng từ 70% xuống 55% (hệ số sử dụng đất giảm từ 12,6 xuống 12,1); - Tầng tầng cao công trình từ 18 tầng lên 22 tầng. 	UBND tỉnh
2	Số lần	<p>Theo Văn bản số 3626/UBND-XD ngày 15/11/2016:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh giảm diện tích quy hoạch từ 7,1ha xuống còn 6,56ha, do điều chỉnh ranh giới quy hoạch, cụ thể: + Điều chỉnh, mở rộng ranh giới quy hoạch đến giáp với ranh giới phần đất của Khu trung tâm vui chơi giải trí Lam Sơn với diện tích khoảng 433m², do phần đất xem kẹp còn lại các hộ không canh tác được và đề nghị thu hồi; + Điều chỉnh ranh giới của dự án trùng với ranh giới đã thu hồi đất thuộc dự án Chợ Mía đã GPMB và mở rộng ranh giới quy hoạch đến chi giới đã xây dựng thuộc dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh 295B; - Điều chỉnh giảm diện tích Khu cây xanh (CX1) do không thu hồi được khu vực nhà kiên cố hiện trạng đã xây dựng; - Điều chỉnh, mở rộng ranh giới quy hoạch Khu cây xanh (CX2) đến hết phần đất giáp ranh với tuyến đường đất hiện trạng và bỏ trí ga tập kết rác trong ngày; - Điều chỉnh khoảng 1000m² đất cây xanh (CX2) thành ở thự để tăng hiệu quả đầu tư của dự án; - Điều chỉnh vị trí quy hoạch nhà văn hóa (Kí hiệu VH) về vị trí khu tâm linh (khu Miếu) hiện có của thôn với diện tích khoảng 672m²; vị trí quy hoạch nhà văn hóa cũ điều chỉnh thành quy hoạch đường giao thông, bãi đỗ xe và đất ở dân cư. 	UBND tỉnh
	Lần 2	<p>Theo Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 15/11/2017:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh kích thước chiều rộng chia lô mặt tiền ở đất kí hiệu: N01, N02, N03 từ 6m xuống còn 5m; ô đất kí hiệu N08 diện tích 244m² chia thành 2 lô; ô N06 diện tích là 365 m² điều chỉnh từ 5 lô xuống 4 lô và điều chỉnh lại vị trí các hố ga, tủ điện, cột điện, cột đèn chiếu sáng, hồ trồng cây trên vỉa hè cho phù hợp. 	UBND tỉnh
	Lần 3	<p>Theo Quyết định số 1744/QĐ-UBND ngày 07/11/2018:</p> <p>Điều chỉnh giảm diện tích quy hoạch từ 6,56ha xuống 6,37 ha do điều chỉnh ranh giới quy hoạch, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phía Bắc dự án, điều chỉnh phần đất cây xanh (CX2) từ 1378 m² xuống 1179m² do điều chỉnh ranh giới dự án tới phần đất ở hiện trạng của gia đình ông Lường Văn Nho đang sinh sống là 157m². - Điều chỉnh giảm diện tích lô đất ở (BT) từ 1000m² xuống 853,5m². - Điều chỉnh giảm diện tích lô đất ở (NO6) từ 365m² xuống còn 345,8 m², lô đất (NO8) từ 244m² xuống còn 223,8m². - Điều chỉnh ranh giới phía Nam dự án trùng với phân giáp ranh mương tưới nước thủy lợi 	UBND tỉnh

TT	Tên dự án	Số lần điều chỉnh/Thời điểm điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh	Căn cứ pháp lý cho việc điều chỉnh	Cơ quan phê duyệt điều chỉnh quy hoạch
3	Khu đô thị mới phường Mỹ Đô, TP Bắc Giang	Số lần Lần 1	<p>thuộc địa phận thôn Miếu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh tăng diện tích đất cây xanh (CX1) từ 500m² lên 800 m². - Điều chỉnh tăng diện tích đất nhà văn hóa (VH) từ 672m² lên 879m² và giảm diện tích lô đất ở (NO1) từ 9152m² xuống còn 9056m². - Điều chỉnh hướng các lô đất ở thuộc lô (NO8) quay về hướng Nam, bán Đường tỉnh 295B. <p>Theo Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 (Điều chỉnh rộng thể)</p>		UBND tỉnh
4	Khu số 6, 7 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang	Số lần Lần 1	<p>Theo Quyết định số 1969/QĐ-UBND ngày 12/12/2016</p> <p>a) Điều chỉnh quy hoạch giao thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh lại giao thông khu vực xung quanh hồ nước phía giáp các nút giao nhau nhằm giảm thiểu xung đột giao thông, đồng thời giảm bớt các lô đất liền kề tiếp giáp ngã tư phải vát góc theo quy chuẩn để đảm bảo tầm nhìn; - Thay đổi quy mô mặt cắt ngang một số tuyến đường cho phù hợp với đồ án quy hoạch phân khu số 02 thành phố Bắc Giang đã được phê duyệt. <p>b) Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, không gian:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh mở rộng khoảng cách giữa 2 dãy nhà từ 2 m lên 4 m; điều chỉnh chiều rộng lô đất một số khu vực từ 5 m lên 5,5-10m tùy từng vị trí và điều chỉnh lại chức năng sử dụng đất, không gian một số khu vực cho phù hợp với quy hoạch phân khu đã được phê duyệt; - Điều chỉnh bổ sung đất cây xanh B-CX-4 và bãi đỗ xe, trạm trung chuyển rác do nhu cầu tăng diện tích bãi đỗ tỉnh và trạm trung chuyển rác của khu vực. 		UBND tỉnh
		Lần 2	<p>Theo Quyết định số 1469/QĐ-UBND ngày 25/8/2017</p> <p>a. Vị trí 01:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh khu vực dải cây xanh rộng 30m từ đất cây xanh cảnh quan sang đất giao thông (phổ đi bộ). - Chia các lô đất ở thành các nhóm công trình (block) bằng đường phân cách 4m. - Điều chỉnh lại kích thước bề rộng các lô đất ở nằm trong các ô đất có ký hiệu (B-LK-1, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 11, 15, 16) tiếp giáp với trục đường 68m thành 7m để thuận lợi cho việc xây dựng và tăng hiệu quả sử dụng của lô đất. - Điều chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho phù hợp. <p>b. Vị trí 02:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng ranh giới Khu số 6, 7 thêm 1,2ha về phía hồ nước và điều chỉnh nắm thẳng tuyến đường tiếp giáp với hồ nước; các tuyến giao thông còn lại trong khu biệt thự được tổ chức song song hoặc vuông góc với tuyến đường trên. - Điều chỉnh mặt cắt đường trong khu biệt thự từ 12m (lòng đường 6m; vỉa hè 2x3m) sang 16,5m (lòng đường 7,5m; vỉa hè 2x4,5m) và 21m (lòng đường 9m; vỉa hè 2x6m). 		UBND tỉnh



TT		Số lần điều chỉnh/Thời điểm điều chỉnh		Nội dung điều chỉnh		Căn cứ pháp lý cho việc điều chỉnh	Cơ quan phê duyệt điều chỉnh quy hoạch
					<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh mặt cắt tuyến đường đầu nối từ phố đi bộ đến hồ nước có quy mô từ 12m (lòng đường 6m; vỉa hè 2x3m) sang 19,5m (lòng đường 10,5m; vỉa hè 7m và 2m). c. Nội dung điều chỉnh khác: <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh toàn bộ kích thước các lô đất ở có mặt tiền rộng 10m thành 7m để phù hợp với nhu cầu thực tế của người dân. 		
5	Khu đô thị mới phía Tây thị trấn Thăng, huyện Hiệp Hòa		Lần 1		<p>Theo Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 17/5/2016:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh đất xây dựng Trường đào tạo nghề sang đất xây dựng nhà ở liền kề, biệt thự, cây xanh và đất giao thông; - Điều chỉnh phân khu chức năng quy hoạch đất hỗn hợp, khu văn hóa sang quy hoạch đất nhà ở liền kề; - Quy hoạch kết hợp các công trình khách sạn, thương mại, dịch vụ, văn phòng thành công trình thương mại, dịch vụ; - Điều chỉnh vị trí trường mầm non từ phía Đông khu đô thị về vị trí trung tâm; - Điều chỉnh vị trí chợ được chuyển vào trong khu đất chợ và kios, bao quanh là khu kios thương mại tạo thành một thể thương mại tập trung; - Điều chỉnh vị trí tuyến đường giao thông đi giữa nhóm nhà ở số 4 và nhóm nhà ở số 5 về phía Tây Nam theo tuyến đường hiện trạng thôn Đức Thắng; - Giữ nguyên mặt cắt ngang tuyến đường đi giữa nhóm nhà ở số 2 và 3 là 21m (không điều chỉnh thành 40m theo điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thị trấn Thăng tại Công văn số 1211/UBND-XD ngày 12/5/2015 của UBND tỉnh để đảm bảo kinh tế kỹ thuật và an toàn giao thông). 		UBND tỉnh
			Lần 2		<p>Theo Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 29/8/2016:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh tăng khoảng cách giữa 2 dãy nhà từ 2m lên 4m tại các lô đất ở liền kề ký hiệu LK9, LK10, LK13, LK14; - Điều chỉnh quy hoạch từ đất ở sang đất hạ tầng kỹ thuật với diện tích 1.038m² thuộc các lô đất ở ký hiệu LK9, LK10, LK13, LK14 (do tăng khoảng cách giữa 2 dãy nhà từ 2m lên 4m); - Điều chỉnh tăng chiều rộng lô đất từ 5m lên 7m trên tuyến giao thông trục chính, mặt cắt (1-1). 		UBND tỉnh
6	Khu dân cư mới số 3 thị trấn Thăng, huyện Hiệp Hòa		Số lần	Lần 1	<p>Theo Văn bản số 3409/UBND-XD ngày 28/10/2016:</p> <p>Điều chỉnh quy hoạch điểm đầu nối cấp điện dự án Khu dân cư số 3, thị trấn Thăng, huyện Hiệp Hòa từ trạm biến áp Trung Đông sang trạm biến áp Thanh Dương, phương án đầu nối đi ngầm (Công ty Điện lực Bắc Giang đã thỏa thuận đầu nối tại Công văn số 210/TT-PCBG ngày 03/10/2016)</p>		UBND tỉnh
			Lần 2		<p>Theo Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 25/5/2017:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh quy hoạch từ đất y tế, văn hóa và đất cây xanh (ký hiệu YT, VH và CX7) sang quy hoạch đất nhà trẻ diện tích 2.364m² và đất cây xanh diện tích 757m²; - Điều chỉnh quy hoạch từ đất nhà trẻ (ký hiệu NT) sang quy hoạch đất y tế diện tích 1.462m² 		UBND tỉnh

TT	Tên dự án	Số lần điều chỉnh/Thời điểm điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh	Căn cứ pháp lý cho việc điều chỉnh	Cơ quan phê duyệt điều chỉnh quy hoạch	
			<p>và đất văn hóa diện tích 1.000m²;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh quy hoạch từ đất cây xanh (ký hiệu CX4) sang quy hoạch đất ở và đất hạ tầng kỹ thuật; - Điều chỉnh quy hoạch từ đất ở (ký hiệu LK4) và đất hạ tầng kỹ thuật sang đất cây xanh; - Điều chỉnh quy hoạch một phần lô đất ở (ký hiệu LK3) sang đất cây xanh với diện tích 670m²; - Điều chỉnh quy hoạch mục đích đất ở tái định cư (ký hiệu TD1, TD2, TD3) sang quy hoạch mục đích đất ở. 			
		Lần 3	<p>Theo Quyết định số 801/QĐ-UBND ngày 06/6/2018:</p> <p>a) Điều chỉnh quy hoạch cao độ đường giao thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh cao độ các nút giao đường giao thông qua kênh IB trung bình từ 0,9m đến 1,78m (nút 02 từ +10,80m lên +12,58m; nút 03 từ +11,22m lên +12,81m; nút 25 từ +11,20m lên +12,44m; nút 26 từ +11,50m lên +12,40m); - Điều chỉnh nâng cao độ trung bình phía Tây và Tây Nam khoảng 1m và cập nhật cao độ phía Đông dự án theo cao độ thực tế. <p>b) Điều chỉnh quy hoạch mương tưới hoàn trả:</p> <p>Điều chỉnh mương tưới hoàn trả qua dự án trên tuyến đường từ nút 05 đến nút 09 (nằm giữa lô đất ở ký hiệu NP1 và LK4) sang vị trí tuyến đường từ nút 21 đến nút 25 (tuyến đường giáp đất cây xanh ký hiệu CX4).</p> <p>c) Điều chỉnh quy hoạch thoát nước thải:</p> <p>Điều chỉnh cao độ, tiết diện rãnh thoát nước thải phía sau các dãy nhà từ B300 thành B400 và rãnh thoát nước thải từ ga 31 đến ga 32 từ rãnh thoát nước B300 sang cống tròn D300.</p> <p>d) Điều chỉnh quy hoạch cấp điện:</p> <p>Điều chỉnh công suất TBA.T6 từ 560kVA sang công suất 400kVA; điều chỉnh công suất TBA.T7 từ 630kVA sang công suất 400kVA.</p>		UBND tỉnh	
7	Khu 1 thuộc khu dân cư mới thị trấn Bó Hạ, huyện Yên Thế	Số lần	Lần 1	<p>Theo Quyết định số 1288/QĐ-UBND ngày 20/8/2013</p> <p>Theo Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 19/9/2018:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh dịch tìm tuyến đường T6 từ nút N1 đến nút N27 giáp đất bên xe và phía Đông (Nút N1 dịch chuyển 7,5m; nút N5 dịch chuyển 9,5m), sau khi dịch chuyển, đất bên xe giảm từ 5,411m² thành 4,828m² (giảm 583m²); mặt cắt đường giao thông sau khi điều chỉnh không thay đổi có lộ giới 16m, trong đó lòng đường 7m, vỉa hè 2 bên 2x4,5=9m; - Điều chỉnh quy hoạch giảm một phần diện tích khoảng 2.900m² đất ở biệt thự ký hiệu BT1 (đất ở 2.575,6m² và hạ tầng kỹ thuật 324,4m²) và đất giao thông dịch chuyển tuyến đường T6 từ nút N1 đến nút N27 ra khỏi ranh giới đồ án quy hoạch. 		UBND tỉnh UBND tỉnh
8	Khu dân cư mới thị trấn Cầu Gò, huyện Yên Thế	Số lần	Lần 1	<p>Theo Quyết định số 1646/QĐ-UBND ngày 13/10/2016:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh tăng quy mô khu dân cư từ 8,62ha lên 8,87ha để đầu nối các nút giao thông giữa khu dân cư mới với QL17 và DT292; 		UBND tỉnh



TT	Tên đơn vị Số lần điều chỉnh/Thời điểm điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh	Cơ quan phê duyệt điều chỉnh quy hoạch
9	Khu đô thị An Huyện thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên	<p>- Điều chỉnh quy hoạch từ đất công cộng (ký hiệu CC3) với diện tích 3.553m² và đất giao thông diện tích 1.055m² sang quy hoạch đất cơ quan;</p> <p>- Điều chỉnh quy hoạch từ đất cơ quan (ký hiệu CQ2) với diện tích 3.646m² sang quy hoạch đất ở;</p> <p>- Điều chỉnh quy hoạch từ đất ở (ký hiệu G) với diện tích 3.649m² sang quy hoạch đất bãi đỗ xe và đất cây xanh;</p> <p>- Điều chỉnh kích thước lô đất có chiều rộng từ 7 đến 10m tại các lô đất liền kề (ký hiệu LK2, LK3, LK6, LK9, LK10, LK12, LK13), phía sau lô đất liền kề (ký hiệu LK12, LK13) mở rộng lên 4m.</p> <p>Theo Văn bản số 3152/UBND-KTN ngày 22/11/2013:</p> <p>- Điều chỉnh diện tích 03 khối nhà ở đô thị mang ký hiệu C17, C18, C19, nhà ở hiện trạng ký hiệu HT2 và đường giao thông nội bộ khoảng 8.500m² sang đất công cộng;</p> <p>- Dịch chuyển tuyến đường nằm giữa hai khối nhà C15, C16 và Kho bạc Huyện về phía Tây Nam để đầu nối với đường nội bộ từ phía Làng Già xuống đường Tỉnh 295. Sau khi dịch chuyển tuyến đường này, bố trí 02 khối nhà ở đô thị ký hiệu C18 và C19 với diện tích khoảng 5.000m².</p> <p>- Điều chỉnh đoạn đường Tỉnh 295 chạy qua Khu đô thị, đoạn nằm giữa Trung tâm thương mại Đào Dương và Bến xe khách thị trấn Cao Thượng dịch chuyển xuống phía Nam khoảng 4,5m để không chông lán lên đất Trung tâm thương mại Đào Dương. Diện tích đất còn lại giữa đường Tỉnh 295 và Bến xe khách thị trấn Cao Thượng bố trí làm một dãy nhà ở thương mại ký hiệu C17.</p> <p>- Điều chỉnh chỉ giới xây dựng toàn bộ các lô đất nhà ở liền kề trung với chỉ giới đường đỏ, thay cho khoảng lùi 3m so với chỉ giới đường đỏ như quy hoạch đã được phê duyệt.</p>	UBND tỉnh
	Lần 2	<p>Theo Văn bản số 1706/UBND-KTN ngày 27/6/2014:</p> <p>- Điều chỉnh giảm lòng đường mỗi bên của đường Tỉnh 295 từ 9,0m xuống 7,0m, tăng dài phần cách giữa từ 6,0m lên 10,0m, vỉa hè mỗi bên 7,0m; lộ giới đường Tỉnh 295 giữ nguyên theo quy hoạch đã được phê duyệt là 38,0m.</p> <p>- Điều chỉnh tăng lòng đường mỗi bên của đường Tỉnh 398 từ 7,5m lên 9,0m, giảm dài phân cách từ 3,0m xuống 2,0m, vỉa hè mỗi bên giảm từ 7,0m xuống 6,0m, lộ giới đường Tỉnh 398 giữ nguyên theo quy hoạch đã được phê duyệt là 32,0m.</p> <p>- Điều chỉnh lô đất ký hiệu KS1 với diện tích 12.544m² được quy hoạch từ đất khách sạn sang đất siêu thị; điều chỉnh lô đất ký hiệu ST1 với diện tích 7.798m² được quy hoạch từ đất siêu thị sang đất ở và đất hạ tầng giao thông.</p>	UBND tỉnh
	Lần 3	<p>Theo Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 20/6/2017:</p> <p>- Điều chỉnh quy hoạch tăng diện tích khu đô thị từ 55ha lên 57,3ha;</p> <p>- Điều chỉnh quy hoạch dịch tím tuyến đường 9,5m từ phía Đông sang phía Tây (giữa đất Ban chỉ huy quân sự và đất quảng trường);</p>	UBND tỉnh

TT	Tên dự án	Số lần điều chỉnh/Thời điểm điều chỉnh		Nội dung điều chỉnh	Căn cứ pháp lý cho việc điều chỉnh	Cơ quan phê duyệt điều chỉnh quy hoạch
		Số lần	Lần 1			
10	Khu đô thị mới phía Tây thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang	Số lần	Lần 1	<p>Theo Quyết định số 2113/QĐ-UBND ngày 28/12/2016:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh ranh giới quy hoạch trùng với chỉ giới DT 295 (đoạn qua quy hoạch Khu đô thị mới), quy mô diện tích quy hoạch giảm từ 79,46ha xuống còn 79,06ha; cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Điều chỉnh giảm diện tích và chia lô đất ở tại các lô N37, N38, N49, N50, N60; + Điều chỉnh giảm diện tích đất Sân vận động (Ký hiệu SVD), lô đất thương mại, dịch vụ (Ký hiệu TM3); + Điều chỉnh tăng diện tích lô đất thương mại, dịch vụ (Ký hiệu TM2); + Điều chỉnh dịch chuyển tuyến đường nội bộ giữa lô đất ở N38 và N37, lô đất N50 và bãi đỗ xe P3; - Rà soát, thông kê lại diện tích của các lô đất cho chính xác; diện tích rãnh thoát nước bao quanh khu dân cư hiện trạng, giữa các dãy nhà liền kề, biệt thự thông kê vào đất hạ tầng kỹ thuật (không tính vào diện tích đất ở và đất giao thông); - Điều chỉnh các tuyến điện hạ thế, trung thế, ông cấp thoát nước dọc theo DT 295 cho phù hợp với ranh giới điều chỉnh. 		UBND tỉnh
11	Khu đô thị mới Đồng Cửa thị trấn Đồi Ngõ, huyện Lục Nam	Số lần	Lần 1	<p>Theo Quyết định số 506/QĐ-UBND ngày 31/3/2017:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh quy hoạch giảm đất công trình hỗn hợp giáp đường gom QL31 từ diện tích 3.120m² xuống 1.410m²; - Điều chỉnh quy hoạch một phần đất ở (Ký hiệu 04, 05) và đất hạ tầng giao thông sang đất Trường mầm non và đất Nhà văn hóa; - Diện tích Trường mầm non giảm từ 4.117m² xuống 2.383m²; Diện tích Nhà văn hóa giảm từ 1.874m² xuống 1.043m²; - Điều chỉnh quy hoạch đất Trường mầm non và đất Nhà văn hóa sang đất ở, công cộng và đất cây xanh. 		UBND tỉnh

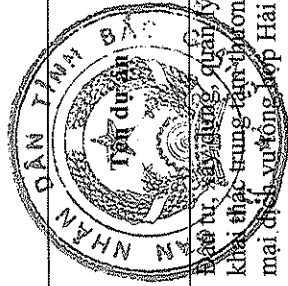
**PHỤ LỤC 3. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN VI PHẠM PHÁP LUẬT
TRONG SỬ DỤNG ĐẤT**

(Từ ngày 01/7/2014 đến hết năm 2018)



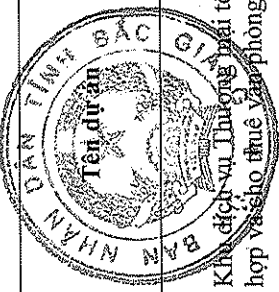
TT	Tên chủ đầu tư	Địa điểm	Nội dung vi phạm	Phải thu hồi theo quy định của pháp luật	Đã thu hồi	Ghi chú
1	HA TÀNG, KHO BÁI TRUNG TÂM LOGISTICS QUỐC TẾ THÀNH PHỐ BẮC GIANG	Xã Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Chậm tiến độ			Đang xây dựng; Sở Kế hoạch và Đầu tư đã đề nghị biện pháp xử lý tại Báo cáo số 555/BC- SKHĐT ngày 17/10/2018
2	Công ty TNHH ONECHANG VINA	Tổ dân phố Thành Bắc, phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang				Đang hoạt động
3	Khu dịch vụ Thương mại Vinh Phát	thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên	Chậm tiến độ			Đã được thuê đất nhưng chưa xây dựng; Được giãn tiến độ tại QĐ số 15/QĐ-SKHĐT ngày 03/02/2017
4	Xây dựng trang trại chăn nuôi thỏ thương phẩm	Thôn Đông, thị trấn Bích Động	Chậm tiến độ			Sở Kế hoạch và Đầu tư đã đề nghị biện pháp xử lý tại Báo cáo số 555/BC- SKHĐT ngày 17/10/2018
5	Phòng khám đa khoa Thành An Bắc Giang	Một phần Lô L4 qh chi tiết đường Hùng Vương, phường Hoàng Văn Thụ, TP Bắc Giang	Chậm tiến độ			Sở Kế hoạch và Đầu tư đã đề nghị biện pháp xử lý tại Báo cáo số 555/BC- SKHĐT ngày 17/10/2018
6	Đầu tư xây dựng khu thương mại, dịch vụ tổng hợp	Khu 2, thị trấn Nénh	Chậm tiến độ			
7	Xây dựng cửa hàng kinh doanh thương mại tổng hợp	Số 156 đường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Bắc Giang	Sai mục tiêu (gia công cơ khí)			Chưa xử lý vi phạm

TT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Địa điểm	Nội dung vi phạm	Phải thu hồi theo quy định của pháp luật	Đã thu hồi	Ghi chú
8	Cửa hàng kinh doanh thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y	Hộ kinh doanh Vũ Thị Trọng	Lô 11,12, dãy SXKD, điểm dịch vụ Đình Giã, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên	Sai mục tiêu (Bản hàng ăn)			Chưa xử lý vi phạm
9	Nuôi trồng thủy sản	Vũ Văn Nghiênn	TDP Thượng, TT Tân Dân	Xây dựng không có GPXD			Đã xử lý vi phạm
10	Xây dựng bãi trung chuyển vật liệu xây dựng	Công ty Cổ phần Trường Hạnh	Km 33+200 đến Km33+271 thôn Hà, xã Song Mai, TP Bắc Giang				Đang xây dựng; Được giãn tiến độ tại QĐ số 43/QĐ-SKHĐT ngày 29/3/2018
11	Phòng khám đa khoa Thành An Bắc Giang	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tân Hằng Hải	Một phần Lô L4 thuộc quy hoạch chi tiết đường Hùng Vương, phường Hoàng Văn Thụ, TP Bắc Giang				Đang xây dựng
12	Xây dựng cửa hàng giới thiệu sản phẩm đồ gỗ nội thất Vinew	Công ty TNHH SX và KD Sơn Hà	Số 169B Đường Xương Giang, phường Ngô Quyền, TP Bắc Giang				Đang xây dựng; Được giãn tiến độ tại QĐ số 312/QĐ-SKHĐT ngày 01/11/2017
13	Xây dựng bệnh viện phục hồi chức năng Phúc Thượng	Công ty TNHH Phúc Thượng Bắc Giang	thôn Phúc Thượng, xã Song Mai, thành phố Bắc Giang				Đang xây dựng
14	Đầu tư, xây dựng, quản lý và khai thác trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp Hải An I	Hợp tác xã Đầu tư Xây dựng quản lý và Khai thác chợ Hải An	Phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.				Đang xây dựng
15	Đầu tư, xây dựng, quản lý và khai thác trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp Hải An II	Hợp tác xã Đầu tư Xây dựng quản lý và Khai thác chợ Hải An	Phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.				Đang xây dựng
16	Đầu tư, xây dựng, quản lý và khai thác trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp Hải An III	Hợp tác xã Đầu tư Xây dựng quản lý và Khai thác chợ Hải An	Phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.				Đang xây dựng




TT		Tên chủ đầu tư	Địa điểm	Nội dung vi phạm	Phải thu hồi theo quy định của pháp luật	Đã thu hồi	Ghi chú
17	Đầu tư, xây dựng, quản lý và khai thác trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp Hải An	Hợp tác xã Đầu tư Xây dựng quản lý và Khai thác chợ Hải An	Phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.				Đang xây dựng
18	Khu Kinh doanh văn hóa ẩm thực, vui chơi giải trí và Dịch vụ Thể dục thể thao	Hệ kinh doanh Đổ Trọng Thành	Khu Bến Trang (Độc Na) thôn Tân Thành, phường Đa Mai, thành phố Bắc Giang				Đang xây dựng
19	Khu nhà hàng ẩm thực, sinh thái nghỉ dưỡng, thể dục thể thao Tân Thành	Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng Hà Nội	Cụm Tân Thành, Đa Mai, TPBG				Đang xây dựng
20	Xây dựng bãi tập kết và kinh doanh vật liệu xây dựng	Hệ kinh doanh Nguyễn Văn Tâm	Khu bãi sông đề tả Thương thuộc thôn Văn Sơn, xã Tân Tiến, TP Bắc Giang (Km16+100 đến Km16+190)				Đang xây dựng
21	Trường mầm non Quốc tế Asean	Trường mầm non Quốc tế Asean	Lô T04 thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư số 2, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang				Đang xây dựng
22	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu loại II	Công ty TNHH Thương mại Đức Tín Trung	Đường Trần Nguyễn Hân, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang				Đang xây dựng
23	HẠ TĂNG, KHO BÃI TRUNG TÂM LOGISTICS QUỐC TẾ THÀNH PHỐ BẮC GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS QUỐC TẾ BẮC GIANG	Xã Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang				Đang xây dựng
24	Trung tâm mua bán và sửa chữa ô tô, bảo dưỡng ô tô các loại	Công ty TNHH DVTM Tổng hợp Hùng Phụng	Thôn Riều, xã Đình Tri, TPBG				Đang xây dựng
25	Cơ sở sơ chế hoàng nông sản và kinh doanh dịch vụ tổng hợp	Công ty TNHH MTV sinh vật cảnh Hoàng Linh	Tiểu khu 4, 5 thị trấn Neo, huyện Yên Dũng				Đang xây dựng
26	Bến xe khách Yên Dũng	Công ty TNHH TV-ĐT xây dựng Việt Dũng	Tiểu khu 5, thị trấn Neo, huyện Yên Dũng				Đang xây dựng

TT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Địa điểm	Nội dung vi phạm	Phải thu hồi theo quy định của pháp luật	Đã thu hồi	Ghi chú
27	Khu dịch vụ Thương mại tổng hợp và Dịch vụ giải trí Rùa Vàng	Công ty/CP Thương mại Tuấn Mai	Thị trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (Lô TM2 thuộc Quy hoạch chi tiết 1/500 xây dựng Khu đô thị mới phía Tây thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang).				Đang xây dựng
28	Xây dựng chợ hàng II Trung tâm huyện Hiệp Hòa	C. ty TNHH Bất động sản Đầu tư TM Hiệp Hòa	Thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa (Trên nền chợ Thắng cũ)				Đang xây dựng; Đã được giãn tiến độ tại QĐ số 233/QĐ-SKHDT ngày 12/9/2017
29	Xây dựng chợ hàng II thị trấn Nénh	Công ty TNHH Môi Trường Xanh	thôn Sen Hồ, thôn Yên Ninh - thị trấn Nénh				Đang xây dựng
30	Tòa nhà Imexco Bắc Giang	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bắc Giang	Một phần lô TMI (trụ sở cũ của Sở Nông nghiệp và PTNT) thuộc quy hoạch chi tiết đường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Bắc Giang				Đã thuê đất nhưng chưa xây dựng; đang hoàn thiện thủ tục xây dựng
31	Bãi tập kết vật liệu xây dựng Anh Ngọc	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Anh Ngọc	Đoạn Km41+410 đến Km41+490 thuộc đê Hữu Thuring, thôn Sỏi, xã Đông Sơn, thành phố Bắc Giang				Đã được thuê đất; chưa xây dựng; Được giãn tiến độ tại QĐ số 76/QĐ-SKHDT ngày 09/5/2018
32	Cơ sở mua bán đồ mộc dân dụng	Hộ kinh doanh Hoàng Thị Nga	Thôn Nghệ và thôn Cốc, xã Đình Trì, thành phố Bắc Giang				Đã được thuê đất; chưa xây dựng; Được giãn tiến độ tại QĐ số 55/QĐ-SKHDT ngày 11/4/2018
33	Khu Dịch vụ thương mại, vui chơi giải trí ăn uống và cho thuê văn phòng	Công ty TNHH Tâm Thanh BG	Thôn An Bình, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang (Lô CC2, Quy hoạch chi tiết khu số 3 thuộc Khu đô thị phía Nam, TPBG)				Đã được thuê đất; chưa xây dựng; Đang làm thủ tục giãn tiến độ

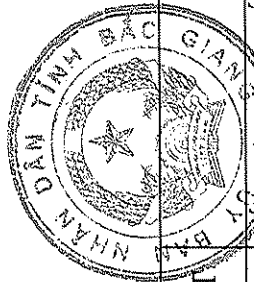
TT		Tên chủ đầu tư	Địa điểm	Nội dung vi phạm	Phải thu hồi theo quy định của pháp luật	Đã thu hồi	Ghi chú
34	Khu dịch vụ Thương mại tổng hợp và chợ thuê và phòng	Công ty TNHH Tân Thịnh	Thôn An Bình, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang (Lô CC3, Quy hoạch chi tiết khu số 3 thuộc Khu đô thị phía Nam, TPBG)				Đã được thuê đất; chưa xây dựng
35	Khu dịch vụ thương mại tổng hợp và khách sạn cao cấp đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang	Công ty Cổ phần Thương mại Rùa Vàng	Thôn Đọ, xã Tân Tiến, TP Bắc Giang				Đã được thuê đất; chưa xây dựng
36	Cơ sở kinh doanh tổng hợp và ăn uống	Công ty TNHH Xây dựng Tân Thịnh.	Thôn Mỹ Cầu, xã Tân Mỹ và tổ dân phố 4, phường Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang				Đã được thuê đất; chưa xây dựng; được giãn tiến độ tại QĐ số 295/QĐ-SKHĐT ngày 07/11/2018
37	Đại lý kinh doanh và Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô 3S Bắc Giang	Công ty Cổ phần Hợp tác Đầu tư và Phát triển	Thôn Riều xã Đình Trĩ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang				Đã được thuê đất; chưa xây dựng; đang hoàn thiện thủ tục xây dựng; được giãn tiến độ tại QĐ số 242/QĐ-SKHĐT ngày 22/8/2018
38	Trường mầm non Quốc tế Đồ Rê Mí	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển ĐÔRÊMÍ Group	Thôn Xuân xã Tân Tiến, TP Bắc Giang (Lô TH1 Quy hoạch chi tiết Khu đô thị phía Nam TPBG)				Đã được thuê đất; chưa xây dựng
39	Dự án chế biến hàng nông sản và thực phẩm	Công ty Cổ phần May Pigaco	Khu Vòng Xê, xã Đa Mai, thành phố Bắc Giang				Đã được thuê đất trên cơ sở mua lại tài sản phát mại nhưng chưa xây dựng
40	Nhà máy xử lý rác thải	Công ty Cổ phần Môi trường 27/7	Thôn Thân, TT Đồi Ngô, huyện Lục Nam	Chậm tiến độ			Nhà đầu tư không có khả năng thực hiện dự án; Sở Tài nguyên và Môi trường đã kiểm tra và đơn đốc nhà đầu tư
41	Xưởng sản xuất và lắp ráp linh kiện điện tử	Công ty dịch vụ sản xuất Quang Dũng	TT Đồi Ngô, huyện Lục Nam				Đã được thuê đất; chưa xây dựng; đang hoàn thiện thủ tục xây dựng

TT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Địa điểm	Nội dung vi phạm	Phải thu hồi theo quy định của pháp luật	Đã thu hồi	Ghi chú
42	Xây dựng trang trại chăn nuôi thỏ thương phẩm	Hộ kinh doanh Thân Thị Tuyết	Thôn Đông, thị trấn Bạch Động				Nhà đầu tư không triển khai
43	Công ty TNHH Gia Hiện	Công ty TNHH Gia Hiện	Khu 2, thị trấn Nếnh				Nhà đầu tư đã được thuê đất tháng 6/2017 nhưng chưa triển khai xây dựng
44	Xây dựng trụ sở chi nhánh Agribank huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang - Phòng Giao dịch Nhã Nam	Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang	Phó Tân Quang, thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên				Nhà đầu tư đã được thuê đất; nhưng không triển khai; Được giám tiền độ
45	XD cửa hàng TM tổng hợp Nhã Nam	Công ty TNHH Anh Minh Bắc Giang	Phó Tiên Thắng, TT Nhã Nam				Nhà đầu tư đã được thuê đất; nhưng không triển khai
46	Sản xuất gia công hàng may mặc	Công ty TNHH Song Mai Vina	Đường Thân Khê, xã Song mai, thành phố Bắc Giang				Nhà đầu tư đã chấm dứt hoạt động dự án
47	Tổ hợp nhà hàng ăn uống, câu cá giải trí kết hợp giới thiệu sản phẩm làng nghề	Hộ kinh doanh Giáp Văn Hiếu	Tổ dân phố Mai Đình, phường Đa Mai, thành phố Bắc Giang				Nhà đầu tư chưa hoàn thiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất
48	Xây dựng bãi tập kết, trung chuyển VLXD	Công ty TNHH Khoáng sản Linh Trung	Từ Km33+970 đến Km34+450 thuộc thôn Phương Đậu, xã Song Mai, TP Bắc Giang				Nhà đầu tư chưa hoàn thiện giải phóng mặt bằng
49	Khu thương mại dịch vụ tổng hợp	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Tân Nông	Xóm Xuân, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang (Lô CC3, Quy hoạch chi tiết khu đô thị phía Nam)				Nhà đầu tư chưa được thuê đất; chưa giải phóng mặt bằng
50	Khu kinh doanh dịch vụ tổng hợp và đại lý kinh doanh, sửa chữa bảo dưỡng xe ô tô	Công ty TNHH Thương mại Trường An	thôn Yên Khê, xã Song Khê, TP Bắc Giang				Đang GPMB
51	Xây dựng khách sạn Bắc Hà	Công ty TNHH Bắc Hà	thôn Song Khê, xã Song Khê, TP Bắc Giang				Đang GPMB
52	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu loại II	Công ty TNHH Tâm Bình BG	Xứ đông Cầu Tây, thôn An Phú, xã Song Mai, TP Bắc Giang				Đang GPMB

TT		Tên chủ đầu tư	Địa điểm	Nội dung vi phạm	Phải thu hồi theo quy định của pháp luật	Đã thu hồi	Ghi chú
53	Xây dựng cơ sở kinh doanh và tiếp xúc công nghệ sinh sản của người dân	Công ty TNHH MTV Tuyên Mỡ	Cửa Đòng, thôn Thuyền, xã Đình Trì, thành phố Bắc Giang				Đang GPMB
54	Trung tâm kinh doanh nội thất và thiết bị giáo dục Hoàn Ngân	Công ty TNHH Nội thất và Thiết bị giáo dục Hoàn Ngân	Thôn Song Khê 1, xã Song Khê, TP Bắc Giang				Đang GPMB
55	Tổ hợp khu thương mại dịch vụ và khách sạn cao cấp	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ địa ốc Toàn Cầu	Lô HH 10 quy hoạch chi tiết Khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang				Đang GPMB
56	Đầu tư xây dựng quản lý và khai thác chợ xã Tân Tiến	Công ty TNHH Thương Vụ	Thôn Đọ, xã Tân Tiến, TP Bắc Giang				Đang GPMB
57	Xưởng sản xuất gia công cơ khí	Công ty Cổ phần Xây dựng Quang Vinh	Thôn Quyết Tiến xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng (Một phần lô đất số 1 (K3-CN) Quy hoạch phân khu khu số 3 TPBG)				Đang GPMB
58	Cửa hàng kinh doanh dịch vụ tổng hợp	Công ty Cổ phần Phòng trừ mối một Bắc Giang	Thôn Riều xã Đình Trì, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang				Đang GPMB
59	Xưởng chế biến và bảo quản rau quả	Hợp tác xã Hà Vân	Cụm CN Xương Giang II, phường Xương Giang				Đang GPMB
60	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu loại II	Công ty Cổ phần Đại Đồng Xuân	Thôn Ngô, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang				Đang GPMB
61	Trường tiểu học - THCS THPT ICOSCHOOL	Công ty Cổ phần Quốc tế ICO	Xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang				Đang GPMB
62	Trường mầm non chất lượng cao Marie Curie	Công ty TNHH Giáo dục Quốc tế Marie Curie	Lô TH 2, quy hoạch chi tiết khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang (thôn An Bình, xã Tân Tiến)				Đang GPMB
63	Trường Trung cấp ASEAN	Trường Trung cấp ASEAN	Một phần Lô TH1, thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng cơ sở đào tạo và dạy nghề xã Tân Mỹ, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Chậm tiến độ			Nhà đầu tư chưa làm thủ tục GPMB

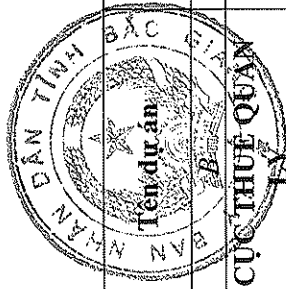
TT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Địa điểm	Nội dung vi phạm	Phải thu hồi theo quy định của pháp luật	Đã thu hồi	Ghi chú
64	Cửa hàng xăng dầu Trung tâm Logistics Quốc tế Bắc Giang	Công ty TNHH Quản lý Dầu tư Hoàng Phúc	Thôn Yê Khê, xã Song Khê, thành phố Bắc Giang (thuộc quy hoạch chi tiết 1/500 Trung tâm Logistics quốc tế, thành phố Bắc Giang)	Chậm tiến độ			Nhà đầu tư chưa làm thủ tục GPMB
65	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu loại I	Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Đông Á	Thôn Sòi, xã Đông Sơn, thành phố Bắc Giang				Đang GPMB
66	Cửa hàng xăng dầu số 1 Việt Yên	Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư Tài chính Toàn Cầu	thôn Sen Hồ, thị trấn Némh				Đang GPMB
67	Cửa hàng kinh doanh thực ăn chăn nuôi	HKD Nguyễn Thị Chung	Điểm dịch vụ Đình Giã thị trấn Cao Thượng huyện Tân Yên.ĐT: 0913,168,683/0987,580,372				Nhà đầu tư chưa hoàn thiện thủ tục thuê đất
68	Cửa hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống giải khát	HKD Nguyễn Văn Hùng	Số nhà 14, Điểm dịch vụ Đình Giã thị trấn Cao Thượng huyện Tân Yên.ĐT: Chủ hộ 0914.557.278				Nhà đầu tư chưa hoàn thiện thủ tục thuê đất
69	Cửa hàng kinh doanh tạp hóa	HKD Bùi Duy Vinh	Lô số 4, Điểm dịch vụ Đình Giã thị trấn Cao Thượng huyện Tân Yên.ĐT: Chủ hộ 0911.008.109				Nhà đầu tư chưa hoàn thiện thủ tục thuê đất
70	Cửa hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống giải khát	HKD Đỗ Thị Đan	Số nhà 20, Điểm dịch vụ Đình Giã thị trấn Cao Thượng huyện Tân Yên.ĐT: Chủ hộ 0915,299,332				Nhà đầu tư chưa hoàn thiện thủ tục thuê đất
71	Đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác chợ Nhà Nam	Công ty TNHH Mới Trường Xanh	Số 4, phố Mai Bang, TP Bắc Ninh, Nguyễn Đức Thịnh 0913,596,454				Nhà đầu tư chưa hoàn thiện thủ tục thuê đất
72	Xây dựng bãi đỗ xe tỉnh thị trấn Bó Hà	Công ty TNHH Thương mại Thiện Oanh	Phố Hòa Bình, thị trấn Bó Hà, huyện Yên Thế				Nhà đầu tư chưa hoàn thiện thủ tục thuê đất

PHỤ LỤC 4. DANH MỤC DỰ ÁN THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
(Từ ngày 01/7/2014 đến hết năm 2018)



STT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất của dự án
1	Đấu giá tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất thuê để lựa chọn tổ chức kinh doanh, khai thác và quản lý chợ Song Khê thuộc xã Song Khê thành phố BG	Xã Song Khê, thành phố Bắc Giang.	Đất chợ
2	Đấu giá quyền sử dụng đất, phương án đấu giá lựa chọn chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật các phân lô LK18, LK19, LK20, LK21 thuộc quy hoạch khu dân cư trung tâm xã Mỹ Thái huyện Lạng Giang	Xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang	Đất ở
3	Đấu giá thuê đất và bán tài sản công tại Trường Trung cấp nghề thủ công mỹ nghệ 19-5 Bắc Giang	Xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang	Đất cơ sở giáo dục đào tạo
4	Đấu giá QSD đất, phương án đấu giá lựa chọn chủ đầu tư thực hiện dự án ĐTXD nhà chung cư thương mại tại khu dân cư cạnh đường Xương Giang, TPBG	Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang	Đất ở (dự án nhà chung cư)
5	Đấu giá QSD đất, phương án đấu giá lựa chọn chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư khu đất tại vị trí CO1 và XO3 thuộc khu dân cư số 2 thành phố BG	Phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang	Đất ở (dự án nhà chung cư)
6	Đấu giá QSD đất, phương án đấu giá lựa chọn chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư khu đất tại vị trí OCT5 và một phần OCT8 thuộc quy hoạch chi tiết xây dựng tuyến đường Nguyễn Văn Cừ thành phố BG	Phường Trần Phú, Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang	Đất ở (dự án nhà chung cư)
7	Đấu giá QSD đất, lựa chọn chủ đầu tư dự án khu tái định cư thuộc khu du lịch tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử huyện Sơn Động	Xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động	Đất ở (dự án Khu tái định cư)

STT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất của dự án
8	Đấu giá cho thuê đất thương mại, dịch vụ thuộc Quảng trường trung tâm huyện Việt Yên;	Xã Bích Sơn, huyện Việt Yên	Đất thương mại dịch vụ
9	Giá khởi điểm đấu giá cho thuê đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại thôn Đông, thị trấn Bích Động huyện Việt Yên	thị trấn Bích Động huyện Việt Yên	Đất sản xuất kinh doanh
10	Đấu giá cho thuê đất thương mại, dịch vụ thuộc quy hoạch khu đất ở cho nhân dân thị trấn Tân Dân huyện Yên Dũng	thị trấn Tân Dân huyện Yên Dũng	Đất thương mại dịch vụ
11	Đấu giá cho thuê thửa đất CCI thuộc quy hoạch khu đất ở và kinh doanh dịch vụ xã Nội Hoàng huyện Yên Dũng	Xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng	Đất thương mại dịch vụ
12	Đấu giá thanh lý tài sản trên đất và quyền sử dụng đất chọn Chủ đầu tư thực hiện Dự án tòa nhà chung cư hỗn hợp tại lô TM7 theo quy hoạch đường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Bắc Giang	Phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang	Đất ở (dự án nhà chung cư)
13	Đấu giá cho thuê đất đối với thửa đất thương mại, dịch vụ khu dân cư dịch vụ Mỹ Diên, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang	Xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên	Đất thương mại dịch vụ (đất chợ)
14	Đấu giá cho thuê đất đối với thửa đất thương mại, dịch vụ thuộc khu dân cư số 3 thành phố BG	Phường Trần nguyên Hãn, thành phố Bắc giang	Đất thương mại dịch vụ
15	Đấu giá thanh lý tài sản trên đất và quyền sử dụng đất chọn Chủ đầu tư thực hiện dự án tại lô TM1 thuộc quy hoạch đường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Bắc Giang	Phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang	Đất thương mại dịch vụ



**PHỤ LỤC 5. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHƯA HOÀN THÀNH NGHĨA VỤ
TÀI CHÍNH (Từ ngày 01/7/2014 đến hết năm 2018)**

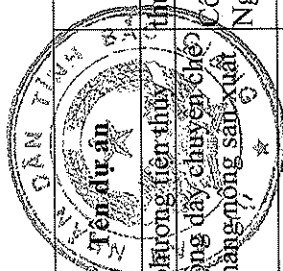
TT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Số tiền thuế đất phải nộp	Số tiền đã nộp	Số chậm nộp	Số còn phải thu	Ghi chú
A		C	D	1	2	3	4=1-2	5
A	CỤC THUẾ QUẢN LÝ			483.468.491.842	316.630.775.745	3.376.451.723	166.837.716.097	
I	Thu tiền sử dụng đất			390.447.500.000	279.810.547.500		110.636.952.500	
1	Khu đô thị mới Đình Trám - Sen Hồ	Công ty CP xây dựng và thương mại Lam Sơn	Xã Hồng Thái, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	173.750.000.000	107.520.000.000	364.875.000	66.230.000.000	
2	Khu đô thị An Huy thị trấn Cao Thượng	Công ty CP địa ốc An Huy	Trị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	114.095.200.000	108.095.200.000	1.115.000.000	6.000.000.000	
3	Khu dân cư mới thị trấn Cầu Gò, huyện Yên Thế	Công ty cổ phần KOSY	Trị trấn Cầu Gò, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	17.211.600.000	3.500.000.000	30.125.000	13.711.600.000	Chưa trừ hết tiền BT GPMB
4	Khu dân cư mới cạnh tỉnh lộ 299 xã Đình Trì, TP Bắc Giang	Công ty CP xây dựng Thành Đô Bắc Giang	Đình Trì, TP Bắc Giang, Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	85.390.700.000	60.695.347.500	4.150.717	24.695.352.500	
II	Thu tiền thuế đất			93.020.991.842	36.820.228.245	3.376.451.723	56.200.763.597	
1	Trung tâm thương mại	Công ty TNHH một thành viên Fam&Co.Invest	Lô TM, quy hoạch chi tiết đường Nguyễn Văn Cừ, TP Bắc Giang	22.858.400.000	11.429.200.000		11.429.200.000	Thu một lần (hạn nộp T2/2019)
2	Dự án đầu tư xây dựng sân Golf và dịch vụ Yên Dũng	Công ty cổ phần QNK Bắc Giang	Thôn An Bình, thôn Anh Thịnh, xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng	22.659.386.517	20.659.386.517	190.200.000	2.000.000.000	
3	Trung tâm thương mại	Công ty cổ phần Đại Hoàng Sơn	Số 45 đường Hùng Vương, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	21.216.308.321	2.936.542.321	1.496.883.756	18.279.766.000	
4	Sản xuất kinh doanh	Công ty cổ phần thương mại và xây dựng 569	Thôn Hương Mãn, xã Xuân Hương, huyện Lạng Giang	17.102.140.963		277.054.683	17.102.140.963	Thu một lần

TT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Số tiền thuê đất phải nộp	Số tiền đã nộp	Số chậm nộp	Số còn phải thu	Ghi chú
5	Nhà máy SX, gia công và KD các sản phẩm nhựa	Cty TNHH Nhựa Sáng Nghĩa	Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	717.255.943	303.557.280	59.448.094	413.698.663	
6	Xây dựng xí nghiệp sản xuất vải không dệt, tấm trải AIRL.AID	Công ty TNHH Thế Cường	Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	542.710.933		117.225.562	542.710.933	
7	Nhà máy cán thép tấm chi tiết và thép thỏi	Công ty cổ phần Sơn Thạch	Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	399.908.700	346.074.100	1.938.046	53.834.600	
8	Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, thủy sản	Công ty TNHH Giấy Bình Dương	Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	554.926.896	72.655.496	97.894.827	482.271.400	
9	Thực hiện dự án đầu tư	Công ty TNHH Tin Trục	Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	191.190.000	-	6.882.840	191.190.000	
10	Thực hiện dự án đầu tư	Công ty CP than hoạt tính Trường Phát	Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	762.009.600	-	164.594.074	762.009.600	
11	Thuê đất xây dựng Nhà máy sản xuất ván sợi MDF	Công ty TNHH CN Việt Nhật	Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	17.014.293		612.515	17.014.293	
12	Xây dựng quản lý và khai thác trung tâm văn hóa truyền thống dân tộc	Công ty TNHH xây dựng Hải Âu	TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	2.187.978.535	1.010.316.531	21.197.916	1.177.662.004	
13	Thực hiện dự án chế biến nông sản thực phẩm	Công ty cổ phần may PIGACCO	TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	17.972.800		1.941.062	17.972.800	
14	XD trung tâm dịch vụ tổng hợp Thành Long	Công ty CP thương mại đầu tư khai thác chế biến xuất khẩu khoáng sản Hải Phòng	Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	872.970.136		188.561.549	872.970.136	
15	Khai thác đất làm nguyên liệu san lấp mặt bằng	Công ty CP thương mại đầu tư khai thác chế biến XNK khoáng sản Hải Phòng	Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	1.788.741.850		386.368.240	1.788.741.850	
16	Nhà máy hóa chất	Công ty TNHH MTV cơ khí hóa chất Hà Bắc	Thọ Xương, Bắc Giang	780.653.355		216.507.890	780.653.355	
17	Nhà máy nông sản	Nhà máy chế biến nông	Xương Giang, Bắc Giang					



TT	Tên chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Số tiền thuê đất phải nộp	Số tiền đã nộp	Số chậm nộp	Số còn phải thu	Ghi chú
	san và thực phẩm Xuất khẩu Bắc Giang		351.423.000	62.496.000	149.140.670	288.927.000	
18	Đầu tư, xây dựng, quản lý và khai thác trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp Hải An I, II, III, IV	Hợp tác xã đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác chợ Hải An	427.005.435	427.005.435	-	-	
19	Xây dựng nhà dịch vụ	Công ty CPĐT PT nhà và đô thị Bắc Giang	28.116.000			28.116.000	
20	Thực hiện dự án khai thác hầm lò mỏ Barit Lạng Cao	Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Giang	1.129.214.347	874.487.327	76.418.106	254.727.020	
21	Trụ sở làm việc và sản xuất kinh doanh	Công ty cổ phần in Bắc Giang	412.738.242	247.531.160	25.657.348	165.207.082	
22	Xây dựng trụ sở làm việc	Công ty cổ phần giống chăn nuôi Bắc Giang	156.498.600	156.498.600		-	
23	Xây dựng nhà chung cư	Công ty CPĐT PT nhà và đô thị Bắc Giang	1.219.758.598			1.219.758.598	Nợ vì chờ NS Sở Tài chính cấp
24	XD văn phòng và cửa hàng kinh doanh	Công ty CP Vật tư Tổng hợp Bắc Giang	566.228.950		278.584.643	566.228.950	
25	XD nhà máy và chế biến thức ăn chăn nuôi	Công ty CPCBNS thực phẩm Bắc Giang	1.724.581.600		848.494.147	1.724.581.600	
26	KD và bán thuốc được phẩm	Công ty cổ phần dược phẩm Bắc Giang	1.132.623.314	852.623.314	490.494.476	280.000.000	
B	CHI CỤC THUẾ QUẢN LÝ		29.997.345.131	5.659.073.428	1.965.833.023	24.338.271.703	
I	Yên Dũng		274.461.000	193.684.200	1.453.982	80.776.800	
1	XD Khu dịch vụ bán hàng TT Neo	Công ty cổ phần thương nghiệp Yên Dũng	184.254.000	126.610.800	1.037.578	57.643.200	

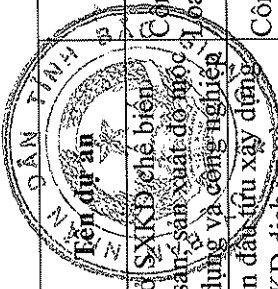
TT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Số tiền thuế đất phải nộp	Số tiền đã nộp	Số chậm nộp	Số còn phải thu	Ghi chú
2	Xây dựng cửa hàng kinh doanh Thương Mại		Bắc Giang Tiểu khu 5, thị trấn Neo, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	36.351.000	27.905.400	152.021	8.445.600	
3	Xây dựng cửa hàng kinh doanh Thương Mại		Thị Trấn Tân Dân, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	53.856.000	39.168.000	264.384	14.688.000	
II	Lạng Giang			88.123.000	-	4.758.642	88.123.000	
1	Sản xuất cám	Công ty Hải Sơn	Cụm CN Yên Mỹ - TT Vôi	88.123.000		4.758.642	88.123.000	
III	Lục Nam			202.076.604	-	10.912.137	202.076.604	
1	Sản xuất cơ khí	HTX cơ khí Chiến Thắng	T. Trần Đồi Ngô-Lục Nam	60.374.000		3.260.196	60.374.000	
2	Chăn nuôi thú Y	HTX Thú Y	Cầu lồ- Phương Sơn	12.519.500		676.053	12.519.500	
3	Chăn nuôi thủy sản	Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản Yên Sơn	Thôn Kiều, Xã yên Sơn, huyện Lục Nam	129.183.104		6.975.888	129.183.104	
IV	Việt Yên			15.151.177.759	2.242.484.102	697.069.457	12.908.693.657	
1	Khu dịch vụ tổng hợp và gia công cơ khí Cao Nguyên	Công ty TNHH TMDV sản xuất Cao Nguyên	Đồi Lạc Sơn, Sen Hồ, TT. Nénh, huyện Việt Yên	369.454.829	42.484.102	17.656.419	326.970.727	
2	Xưởng gia công cơ khí	HTX thương Mại Đăng Khoa	Thôn Như Thiết, xã Hồng Thái, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	167.485.630		9.044.224	167.485.630	
3	Xây dựng chợ Đình Trám	HTX Tộc Thân Bắc Giang	Thôn Hùng Lâm 1&2, xã Hồng Thái, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	14.614.237.300	2.200.000.000	670.368.814	12.414.237.300	
V	Thành phố			14.076.985.708	3.092.905.126	1.250.297.426	10.984.080.582	
1	Xưởng sửa chữa đóng	Công ty SCPT-Vận Tải	Thôn Phú Giã, xã Song	44.800.000	22.400.000	409.920		



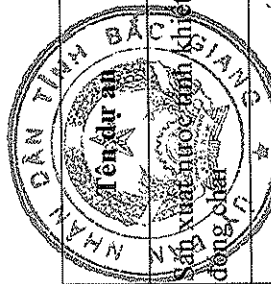
TT	Tên chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Số tiền thuê đất phải nộp	Số tiền đã nộp	Số chậm nộp	Số còn phải thu	Ghi chú
	mới phương tiện thủy	Mai, TP Bắc Giang				22.400.000	
2	Mở rộng dây chuyền chế biến hàng mông san xuất khẩu	thủy Sông Thương Công ty TNHH Việt Nga	964.683.753	-	166.516.785	964.683.753	
3	Đầu tư chế biến thức ăn chăn nuôi	Công ty TNHH Bình Minh	82.908.420	41.454.210	758.612	41.454.210	
4	Xây dựng nhà xưởng đóng và sửa chữa phương tiện vận tải thủy	Công ty TNHH Hà Vinh	27.024.900	-	2.195.988	27.024.900	
5	Dự án đầu tư khu du lịch sinh thái ven Sông Thương	Công ty TNHH TM Dịch Vụ Sông Thương	148.079.282	-	9.831.465	148.079.282	
6	Dự án trung tâm thương mại bán buôn hàng điện máy	Công ty TNHH thương mại Việt Tiến	23.175.000	11.587.500	212.051	11.587.500	
7	Dự án SX máy tre đan TCMN, thêu ren, thủy sản xuất khẩu	Công ty TNHH Thuận Phát	73.941.600	36.970.800	676.566	36.970.800	
8	Dự án xưởng SC ô tô Đức Dục	Công ty TNHH Đức Dục	196.490.300	143.840.300	963.495	52.650.000	
9	Xưởng SXKD và gia công cơ khí, SC vừa và nhỏ xe ô tô	Công ty TNHH Song Hoà	21.558.285	11.397.640	185.940	10.160.645	
10	Cửa hàng xăng dầu và trạm bảo dưỡng ô tô, xe máy	Công ty TNHH Phương Nam	81.160.800	40.580.400	742.621	40.580.400	
11	Khu dịch vụ tổng hợp cây xăng đôi Nền	Công ty cổ phần Đại Hoàng Yên	73.594.120	-	1.346.772	73.594.120	
12	Dự án đầu tư xưởng SC đại tu ô tô	Công ty TNHH Hiện Từ	54.637.410	27.318.705	499.932	27.318.705	

TT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Số tiền thuê đất phải nộp	Số tiền đã nộp	Số chậm nộp	Số còn phải thu	Ghi chú
13	Xưởng cơ khí sửa chữa và kinh doanh ô tô	Công ty TNHH cơ khí Mạnh Dũng	Lô số A6, cụm CN Xương Giang, TP Bắc Giang	174.633.750	110.000.000	3.811.011	64.633.750	
14	Xưởng sản xuất các sản phẩm từ giấy, đóng gói và KD XNK hàng hóa và cho thuê nhà xưởng	Công ty TNHH SXTMXX Ngọc Quỳnh	Lô số A5, cụm CN Xương Giang, TP Bắc Giang	553.480.250	-	110.133.098	553.480.250	
15	Chùa hàng xăng dầu, vật liệu xây dựng Đào Loan	Công ty TNHH MTV Đào Loan	Lô số A1, cụm CN Xương Giang, TP Bắc Giang	300.971.700	250.809.450	917.969	50.162.250	
16	Xưởng sản xuất kính doanh dây cáp điện	Công ty TNHH Hoàng Tùng	Cụm công nghiệp Xương Giang 2, TP Bắc Giang	212.114.000	186.582.000	778.726	25.532.000	
17	Sản xuất vật tư thiết bị ngành điện và dịch vụ thương mại	Công ty TNHH kỹ thuật điện HTT	Thôn Lò + Giếng, xã Tân Mỹ, TP Bắc Giang	222.496.700	134.997.800		87.498.900	
18	Dự án đầu tư XD chợ khu dân cư số 1	Công ty TNHH Trần Luân	Số 36, đường Xương Giang, phường Trần Phú, TP Bắc Giang	635.421.875	500.000.000	2.478.220	135.421.875	
19	Dự án đầu tư xây dựng trung tâm dịch vụ Sơn Hà	Công ty TNHH Minh Hà	Số 151, đường Nguyễn Văn Cừ, TP Bắc Giang	56.250.250	-	1.029.380	56.250.250	
20	Trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí VHHTT	Công ty TNHH kinh doanh DVTH Khanh Hưng	Quán ăn uống Cây Đa, phường Đình Kế, TP Bắc Giang	135.073.980	90.049.320	1.373.252	45.024.660	
21	Trại nuôi trồng thủy sản, chế biến thức ăn chăn nuôi và chăn nuôi lợn	Công ty Cổ phần Thành Hưng	Số 939, đường Lê Lợi, phường Đình Kế, TP Bắc Giang	36.146.880	4.016.320	8.166.185	32.130.560	
22	Dự án Trung tâm vui chơi và dịch vụ du lịch Quang Lâm	Công ty TNHH một TV Thái Sơn Blu	Số 04, đường Quách Nhân, phường Hoàng Văn Thu, TP Bắc Giang	54.610.304	36.699.529	327.767	17.910.775	
23	Trung tâm dịch vụ TMTTH Tuyệt Lan	Công ty TNHH Tuyệt Lan	Số 146, đường Xương Giang, phường Ngô Quyền, TP Bắc Giang	116.085.700	75.642.940	740.103	40.442.760	

TT	Tên chủ đầu tư	Tên chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Số tiền thuê đất phải nộp	Số tiền đã nộp	Số chậm nộp	Số còn phải thu	Ghi chú
24	Cơ sở SXKD/chế biến lâm sản sản xuất đồ mộc dân dụng và công nghiệp loại	Công ty TNHH Lương Nguyễn Bắc Giang	Số 359, đường Giáp Hải, xã Dĩnh Kế, TP Bắc Giang	288.284.240	-	39.486.368	288.284.240	
25	Dự án đầu tư xây dựng khu KD dịch vụ và thương mại tổng hợp	Công ty TNHH Sơn Nguyễn Bắc Giang	Thôn Đông Lý và thôn Ba, xã Tân Mỹ, TP Bắc Giang	137.611.800	-	2.330.687	137.611.800	
26	Dự án đầu tư XD đại lý mua ô tô, xe máy phụ tùng ô tô	Công ty TNHH Nam Mai	Cụm công nghiệp Dĩnh Kế, phường Dĩnh Kế, TP Bắc Giang	371.491.200	123.000.000	6.494.422	248.491.200	
27	Đại lý ô tô xe máy, phụ tùng ô tô, bảo trì, bảo dưỡng	Công ty TNHH Trường Hải Đào Dương	Thôn Nùm, xã Dĩnh Trì, TP Bắc Giang	124.360.320	62.180.160	-	62.180.160	
28	Dự án trung tâm nhân đạo Phú Quý BG	Công ty TNHH xã hội Phú Quý	Tổ dân phố 3, phường Mỹ Độ, TP Bắc Giang	2.160.050.662	-	513.484.229	2.160.050.662	
29	Dự án đầu tư XD	Cty TNHH An Quang Hưng	Lô số 01, cụm CN Thọ Xương, phường Thọ Xương	148.610.700	-	-	148.610.700	
30	Trung tâm mua, bán sửa chữa xe cơ giới	Cty TNHH Giant Việt Nam	Thôn Ba, xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang	75.234.360	37.617.180	688.394	37.617.180	
31	Dự án đầu tư XD xưởng SX gạch bê tông	Cty TNHH Thọ Xuân	Cụm CN Dĩnh Kế, phường Dĩnh Kế	75.048.750	-	1.373.392	75.048.750	
32	Đầu tư bãi tập kết và trung chuyển Đông Sơn	Cty CP Vật liệu nhẹ Alpha	Số 27 (L9), Làn 1, đường Nguyễn Thị Lưu 2, phường Ngô Quyền	12.683.160	8.455.440	128.945	4.227.720	
33	Dự án đầu tư Xd văn phòng làm việc và các xưởng sửa chữa SXKD	Công ty Cổ phần 19/8 Bắc Giang	Số 252, đường Nguyễn Công Hãng, phường Trần Nguyễn Hãn, TP Bắc Giang	31.924.800	-	584.224	31.924.800	
34	Xây dựng văn phòng giao dịch	Công ty Cổ phần PHS và VPVH Bắc Giang	Số 108, đường Xương Giang, phường Trần Phú, TP Bắc Giang	21.600.000	10.800.000	19.764	10.800.000	
35	Xưởng SC ô tô, máy công trình và dạy nghề	Trường TC nghề số 1 Bắc Giang	Trường trung cấp nghề số 1 Bắc Giang, phường Thọ Xương	166.839.704	50.000.000	2.138.167	116.839.704	



TT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Số tiền thuê đất phải nộp	Số tiền đã nộp	Số chậm nộp	Số còn phải thu	Ghi chú
36	Dự án Đầu tư XID bệnh viện đa khoa Quốc tế Hà Nội- Bắc Giang	Công ty cổ phần Y Dược Tân Trường Sinh	Số 09, đường Nguyễn Thị Lưu, phường Trần Phú, TP Bắc Giang	2.730.747.600	-	49.972.681	2.730.747.600	
37	Dự án xây dựng Trung tâm thương mại Bắc Giang	CN Cty CT CP Trung Tín	Tòa nhà Trung Tín, Lô đất số 7, đường Hàm Nghi, phường Mỹ Đình 2, TP Hà Nội	515.371.200	291.278.400	4.100.898	224.092.800	
38	Đầu tư xây dựng nhà ở công nhân và khu thương mại tổng hợp	Cty CP XK Hà Anh	Khối 1, Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP Hà Nội	101.198.160	67.465.440	617.309	33.732.720	
39	Sản xuất mua bán XNK giấy để và các loại giấy...	Cty CP Hòa Bình	Số 3 - Khu phố số 5, phường Thọ Xương	128.249.664	-	2.346.969	128.249.664	
40	Sản xuất than tổ ong và sữa chữa cơ khí	Doanh nghiệp tư nhân Ánh Hồng	Lô số 9, cụm CN phường Thọ Xương, TP Bắc Giang	116.575.200	-	21.686.873	116.575.200	
41	Dự án xí nghiệp đúc gang Thạch Hăng	Doanh nghiệp tư nhân Thạch Hăng	Lô số 13, cụm CN phường Thọ Xương, TP Bắc Giang	30.522.240	15.261.120	279.278	15.261.120	
42	Xưởng SX kinh doanh các sản phẩm dệt may, chăn ga gối đệm và cho thuê nhà	Doanh nghiệp tư nhân Cầu Chuyên	Lô số A7, Cụm công nghiệp Xương Giang 2, TP Bắc Giang	73.872.000	37.962.000	657.153	35.910.000	
43	Dự án đầu tư XID cơ sở SX nước tinh khiết đóng chai	Doanh nghiệp tư nhân Thoa Thịnh	Số 01, ngõ 218, đường Lê Lợi, phường Lê Lợi, TP Bắc Giang	104.088.000	78.066.000	793.671	26.022.000	
44	Xây dựng xưởng sửa chữa ô tô, xe máy và máy công trình	Doanh nghiệp tư nhân Xoan Nhung	Cụm công nghiệp Thọ Xương, phường Thọ Xương, TP Bắc Giang	39.551.000	26.364.680	241.310	13.186.320	
45	Dự án khu vui chơi giải trí và du lịch sinh thái	DNTN Mười Duyên	Số 64, đường Châu Xuyên, phường Lê Lợi, Thành phố Bắc Giang	89.390.340	59.593.560	545.281	29.796.780	
46	Dự án XD Trung tâm thương mại Thành Phát	Xí nghiệp CKK VLXD Thành Phát		367.764.660	183.882.330	3.365.047	183.882.330	

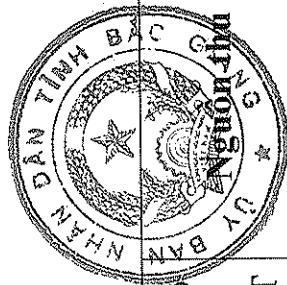


TT	Tên chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Số tiền thuê đất phải nộp	Số tiền đã nộp	Số chậm nộp	Số còn phải thu	Ghi chú
47	Hợp tác xã Song Thịnh	Số 40, đường Xương Giang, phường Trần Phú, TP Bắc Giang	47.440.800	46.440.800	18.300	1.000.000	
48	Hợp tác xã cơ khí vận tải Bắc Giang	Số 610, cụm Công nghiệp I Xương Giang, TP Bắc Giang	17.827.425	11.884.950	108.747	5.942.475	
49	HTX Hương Giấy Hoà Bình	Số 8+10 N 272, đường Nguyễn Công Hãng, phường Trần Nguyên Hãn, TP Bắc Giang	43.645.000	17.458.000	479.222	26.187.000	
50	Xây dựng cơ sở sản xuất	Số 248, đường Nguyễn Công Hãng, phường Trần Nguyên Hãn, TP Bắc Giang	65.327.390	-	7.575.153	65.327.390	
51	Bãi tập kết vật liệu	Tổ Tân Mai, phường Đa Mai, TP Bắc Giang	216.960.000	-	49.575.384	216.960.000	
52	Sản xuất đồ mộc	Lô 12, cụm công nghiệp phường Thọ Xương, TP Bắc Giang	68.656.080	-	2.548.880	68.656.080	
53	Sản xuất kinh doanh làm sản, vật liệu xây dựng, vận tải hàng hóa	Lô số 11, cụm công nghiệp, TP Bắc Giang	67.860.000	35.000.000	2.858.910	32.860.000	
54	Dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp	Tổ Tiên, phường Thọ Xương, TP Bắc Giang	208.236.600	34.706.100	8.518.480	173.530.500	
55	Dự án sản xuất tấm lợp tôn, thép định hình và cấu kiện thép xây dựng	Lô số 02, cụm Công nghiệp Thọ Xương, TP Bắc Giang	66.540.096	49.905.072	304.421	16.635.024	
56	Xưởng sửa chữa ô tô Việt Hàn	Lô A8, Cụm Công nghiệp Xương Giang II, TP Bắc Giang	37.989.000	18.994.500	347.599	18.994.500	
57	Xây dựng chợ Quán Thành	Khu Quán Thành, phường Xương Giang, TP Bắc Giang	899.135.326	-	211.896.098	899.135.326	
58	Mở rộng phát triển sản	Lô 14 + 15, Cụm công	93.775.972	75.484.000	334.743		

TT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Số tiền thuế đất phải nộp	Số tiền đã nộp	Số chậm nộp	Số còn phải thu	Ghi chú
	xuất thiết bị cơ khí và hóa chất	nghiệm công nghệ mới	nghiệp Thọ Xương, TP Bắc Giang				18.291.972	
59	Dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp	HTX nông nghiệp Đinh Kế	Tổ Phú Mỹ 3, phường Đinh Kế, TP Bắc Giang	23.310.000	11.655.000	213.287	11.655.000	
60	Dự án XD khu dịch vụ thương mại TH Hợp tác xã 20-10	Hợp tá xã 20-10	Số 37, đường Xuomng Giang, TP Bắc Giang	19.873.000	15.103.480	87.282	4.769.520	
VI	Yên Thế			204.521.060	130.000.000	1.341.379	74.521.060	
1	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	Cty CPTM Yên Thế (03 thửa)	TT Cầu Gò, TT Bồ Hạ	204.521.060	130.000.000	1.341.379	74.521.060	
	TỔNG			513.465.836.973	322.289.849.173	5.342.284.746	191.175.987.800	

BIỂU 2. TỔNG HỢP CÁC NGUỒN THU TỪ ĐẤT
Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/10/2018

Đơn vị tính: triệu đồng.



Số TT	Tổng cộng	Trong đó						Ghi chú
		Từ tháng 7 - 12/2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018		
A	1 = 2+3+4+5+6	2	3	4	5	6	7	
1	Tiền sử dụng đất 5.836.149	283.132	617.533	1.080.020	1.353.077	2.502.387		
2	Tiền thuê đất 507.447	20.709	37.555	72.056	200.317	176.810		
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 67.565	8.259	19.136	12.950	13.466	13.754		
4	Thuế TNCN từ chuyển quyền SDD 254.908	18.966	45.225	47.476	60.983	82.258		
5	Lệ phí trước bạ 162.577	11.367	27.978	28.583	39.724	54.925		
	Tổng cộng 6.828.646	342.433	747.427	1.241.085	1.667.567	2.830.134		

* Ghi chú: Số liệu trên là số thu từ đất ở đô thị được tổng hợp từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2018 do vậy số liệu này có khác với số liệu tại Báo cáo số 120/BC-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang.

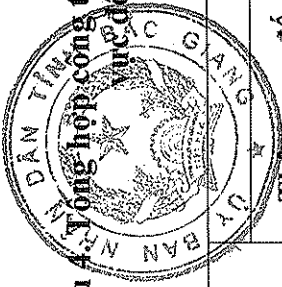
Biểu 3. BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH LOẠI ĐẤT TRONG KHU ĐÔ THỊ ĐẾN 2018

STT	Đơn vị	STT	Đơn vị hành chính cấp phường	Tổng (ha)	Đất NN (ha)	Đất phi nông nghiệp			Đất CSD
						Tổng	Đất ở DT	Đất ở NT	
1	Thành phố Bắc Giang	1	Phường Thọ Xương	403,34	91,89	305,73	101,43		5,72
		2	Phường Hoàng Văn Thụ	146,41	1,89	144,52	44,06		0,00
		3	Phường Mỹ Độ	162,65	78,29	84,08	27,54		0,28
		4	Phường Lê Lợi	90,79	3,25	87,54	32,28		0,00
		5	Phường Trần Phú	98,04	0,81	97,23	25,40		0,00
		6	Phường Xương Giang	300,25	121,33	178,80	65,05		0,12
		7	Phường Đa Mai	359,45	213,60	142,55	44,88		3,30
		8	Xã Đông Sơn	826,99	574,20	252,52		79,81	0,27
		9	Phường Đình Kế	411,87	159,90	251,97	110,26		0,00
		10	Xã Song Khê	444,23	119,76	324,22		52,78	0,25
		11	Xã Đình Tri	671,23	464,84	206,33		80,38	0,06
		12	Xã Tân Tiên	795,17	547,70	241,47		87,12	6,00
		13	Phường Trần Nguyên Hãn	86,86	0,14	86,17	34,56		0,55
		14	Phường Ngô Quyền	115,04	0,91	114,13	32,09		0,00
		15	Xã Song Mai	1.005,42	674,01	313,86		150,86	17,55
		16	Xã Tân Mỹ	741,51	462,85	278,66		113,40	0,00



STT	STT	Đơn vị hành chính cấp phường	Tổng (ha)	Đất NN (ha)	Đất phi nông nghiệp		Đất CSD
					Tổng		
2	17	Thị trấn Thăng	120,74	22,25	98,47	52,21	0,02
3	18 19	Thị trấn Kép Thị trấn Vôi	60,84 341,39	24,67 188,77	36,02 152,46	20,44 52,72	0,15 0,16
4	20 21	Thị trấn Đồi Ngô Thị trấn Lục Nam	459,26 165,37	235,04 96,88	221,06 68,00	67,55 24,46	3,16 0,49
5	22	Thị Trấn Chủ	269,90	131,35	138,37	66,74	0,18
6	23 24	Thị Trấn An Châu Thị Trấn Thanh Sơn	211,91 2.105,78	76,22 1.712,67	135,69 328,59	99,18 88,68	0,00 64,52
7	25 26	Thị Trấn Nhã Nam Thị Trấn Cao Thượng	131,72 257,63	82,28 127,17	49,42 130,38	20,55 54,48	0,02 0,08
8	27 28	Thị Trấn Bích Động Thị Trấn Nénh	606,63 566,28	414,02 324,01	187,29 242,27	61,50 71,58	5,32 0,00

STT	Đơn vị	STT	Đơn vị hành chính cấp phường	Tổng (ha)	Đất NN (ha)	Đất phi nông nghiệp			Đất CSD
						Tổng			
9	Huyện Yên Dũng	29	Thị trấn Neo	580,25	393,21	186,17	75,46		0,87
			Thị trấn Tân Dân	468,00	328,59	138,93	67,03		0,48
10	Huyện Yên Thế	31	Thị trấn Cầu Gồ	196,21	122,55	73,49	23,19		0,17
			Thị trấn Bồ Hạ	100,41	43,47	55,80	23,70		1,14
Tổng				13.301,57	7.838,52	5.352,19	1.387,02	564,35	110,86



Biểu Tổng-hợp công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc khu vực đô thị trên địa bàn các huyện, thành phố từ khi Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực đến nay

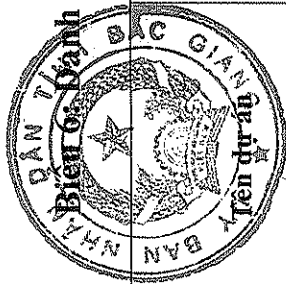
Năm	Giao đất				Thuê đất				Thu hồi đất để thực hiện dự án		Ghi chú
	Thông qua đấu giá		không thông qua đấu giá		Thông qua đấu giá		không thông qua đấu giá		Số dự án	DT (ha)	
	Số trường hợp	DT (ha)	Số trường hợp	DT (ha)	Số trường hợp	DT (ha)	Số trường hợp	DT (ha)			
2014	984	16,76	42	0,95	3	1,94	7	3,13	37	40,71	
2015	632	9,51	8	0,10	1	1,06	2	0,51	50	124,80	
2016	963	29,20	0	-	0	-	5	3,36	37	66,54	
2017	727	20,48	0	-	0	-	12	3,76	55	204,98	
2018	628	35,06	0	-	1	0,48	9	4,86	51	182,70	
TỔNG	3.934	111,01	50	1,05	5	3,48	35	15,62	230	619,73	

Lưu ý: đô thị là thị trấn của các huyện; phường của thành phố Bắc Giang

Biểu 5. Tổng hợp công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất đối với tổ chức thuộc khu vực đô thị trên địa bàn các huyện, thành phố từ khi Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực đến nay

Năm	Tổng		Giao đất		Thuê đất		Thu hồi đất để thực hiện dự án		Ghi chú
	Số trường hợp	DT (ha)	Số trường hợp	DT (ha)	Số trường hợp	DT (ha)	Số dự án	DT (ha)	
2014	9	2,85			7	2,74	2	0,11	
2015	24	23,44	3	1,95	12	18,97	9	2,52	
2016	48	67,2	16	46,1	24	12,2	8	8,9	
2017	34	612,12	11	500,53	20	111,33	3	0,26	
2018	21	45,78	14	37,5	5	8,09	2	0,19	
TỔNG	136	751,39	44	586,08	68	153,33	24	11,98	0

Biên bản Ban chấp hành các khu đô thị, khu dân cư mới đã giao cho doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Giang



STT	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô (ha)	Thời gian thực hiện dự án	Diện tích đất ở (ha)	Số lô đất ở (lô)	Vị trí	Diện tích đã GPMB (ha)	Tổng chi phí đã thực hiện (tỷ)	Số lô đất ở đã chuyển nhượng	Diện tích đất ở đã chuyển nhượng (m ²)
I	Các dự án đã được chấp thuận đầu tư											
1	Khu đô thị Bách Việt Lake Garden, phường Dĩnh Kế	Liên danh nhà đầu tư Cty CP Địa ốc Bách Việt và Cty CP Đầu tư xây dựng Lilama	303,2	17,8	Tháng 12/2014-12/2018	6,68	668	trong đô thị	18	300	120	11867
2	Khu đô thị mới Kosy, phường Xương Giang	Công ty CP Kosy	277,7	23,3	Quý II/2015-II/2019	7,74	755	trong đô thị	15,5	55		
3	Khu đô thị Đồng Cửa 2 phường Lê Lợi	Công ty TNHH Nam Giang	79,6	5,3	Tháng 8/2015-8/2018	1,37	163	trong đô thị	4,66	43	67	5788
4	Khu dân cư số 4 trên TL295B xã Tân Mỹ	Công ty TNHH đầu tư và thương mại 379	78,35	6,56	Tháng 5/2016-4/2018	2,42	262	trong đô thị	6,5	34,3	70	5842
5	Khu đô thị mới phường Mỹ Độ	Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Hà Nội	118,812	10,18	Tháng 3/2017-9/2018	3,93	448	trong đô thị	6,2	22,6		
6	Khu số 6, 7 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang	Công ty TNHH xây dựng Tân Thịnh	619,4	48,65	Tháng 3/2017-2/2020	13,79	928	trong đô thị	22,5	198		

STT	Tên dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô (ha)	Thời gian thực hiện dự án	Diện tích đất ở (ha)	Số lô đất ở (lô)	Vị trí	Diện tích đã GPMB (ha)	Tổng chi phí đã thực hiện (tỷ)	Số lô đất ở đã chuyển nhượng	Diện tích đất ở đã chuyển nhượng (m ²)
7	Khu B thuộc khu đô thị mới Đình Trám - Sen Hồ	Thuộc 02 xã Hoàng Ninh và Hồng Thái, huyện Việt Yên	Công ty CP Xây dựng và Thương mại Lam Sơn	1.283,70	116	Tháng 3/2013-11/2020	43,94	4.913	ngoài đô thị	25	200	227	18160
8	Khu dân cư thương mại Chợ Mới thị trấn Bích Động	Thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên	Công ty Cổ phần AAC Việt Nam	100,3	8,7	Tháng 5/2016-10/2019	2,56	342	trong đô thị	3	7		
9	Khu dân cư số 6 trên TL295B xã Hồng Thái	Xã Hồng Thái, huyện Việt Yên	Công ty Cổ phần đầu tư Minh Hùng	37,4	3,25	Tháng 5/2016-4/2019	1,27	120	ngoài đô thị				
10	Khu 4, khu dân cư mới thị trấn Bích Động	Thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên	Công ty Nhật Quang-(TNHH)	128,7	13,48	Tháng 8/2017-7/2019	5,09	501	trong đô thị	9,84	33		
11	Khu dân cư mới số 3 thị trấn Thăng	Thị trấn Thăng, huyện Hiệp Hòa	Công ty Cổ phần Bất động sản Detech Land	332	22,87	Đến hết 30/11/2018	9,8	875	trong đô thị	20,1	153	415	42386
12	Khu đô thị mới phía Tây thị trấn Thăng	Thị trấn Thăng, huyện Hiệp Hòa	Công ty cổ phần tập đoàn HDB Việt Nam	267	24,77	Tháng 3/2017-2/2020	6,7	648	trong đô thị	15	37		
13	Khu 1 thuộc khu dân cư mới thị trấn Bồ Hạ	Phía Tây nam thị trấn Bồ Hạ, huyện	Công ty Cổ phần đầu tư Minh Hùng	117,13	12,8	Tháng 1/2016-12/2017	5,5	623	trong đô thị	12,4	62,5	70	5877



STT	Tên dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô (ha)	Thời gian thực hiện dự án	Diện tích đất ở (ha)	Số lô đất ở (lô)	Vị trí	Diện tích đã GPMB (ha)	Tổng chi phí đã thực hiện (tỷ)	Số lô đất ở đã chuyển nhượng	Diện tích đất ở đã chuyển nhượng (m ²)
		Yên Thế											
14	Khu dân cư mới thị trấn Cầu Gò	Thị trấn Cầu Gò, huyện Yên Thế	Công ty cổ phần Kosy	93,5	8,6	Tháng 12/2016-10/2018	2,99	323	trong đô thị	4,8	41,2	32	3590
15	Điểm dân cư nông thôn xã Tân Sỏi huyện Yên Thế	Xã Tân Sỏi, huyện Yên Thế	Công ty cổ phần xây lắp thiết bị điện Nhật Minh	14,6	1,93	Tháng 7/2015-12/2016	0,81	73	ngoài đô thị	1,93	14,6	15	1350
16	Khu đô thị An Huy thị trấn Cao Thượng	Thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên	Công ty cổ phần địa ốc An Huy	536,5	57,27	Quý I/2016-Quý IV/2020	19,12	1444	trong đô thị	23	230	128	12998
17	Khu dân cư mới Chợ Vòng, huyện Tân Yên	Xã Song Vân, huyện Tân Yên	Công ty Nhật Quang-(TNHH)	19,9	2,2	Tháng 9/2017-8/2019	0,61	62	ngoài đô thị	2	3,74		
18	Khu đô thị mới phía Tây thị trấn Vôi	Thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang	Công ty Cổ phần Thương mại Tuấn Mai	805,85	79,06	Tháng 12/2015-12/2020	27,7	2.974	trong đô thị	10,3	165	290	23773
19	Khu đô thị mới Đồng Cửa thị trấn Đồi Ngõ	Thị trấn Đồi Ngõ, huyện Lục Nam	Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại Duy Anh	131	11,8	Tháng 4/2014-4/2019	4,75	559	trong đô thị	11,65	103	69	5603

STT	Tên dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô (ha)	Thời gian thực hiện dự án	Diện tích đất ở (ha)	Số lô đất ở (lô)	Vị trí	Diện tích đã GPMB (ha)	Tổng chi phí đã thực hiện (tỷ)	Số lô đất ở đã chuyển nhượng	Diện tích đất ở đã chuyển nhượng (m ²)
20	Khu dân cư số 2, làn 2 Quốc lộ 31 thị trấn Đồi Ngò	Thị trấn Đồi Ngò, huyện Lục Nam	Công ty cổ phần bất động sản Detech Land	227,21	19,7	Tháng 10/2017-10/2019	7,8	773	trong đô thị	7,8	24,5		0
21	Khu 1 khu dân cư Lạc Phú xã Nham Sơn huyện Yên Dũng	Xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng	Công ty Cổ phần Xây dựng và dịch vụ thương mại Tuấn Quỳnh	198	19,8	Tháng 7/2015-12/2017	8,39	974	ngoài đô thị	19,8	198	799	66485
22	Khu đô thị mới tiểu khu 2,3 thị trấn Neo	Tiểu khu 2, 3 thị trấn Neo, huyện Yên Dũng	Công ty Cổ phần Gwin	201,98	18,5	Quý II/2015-Quý III/2020	6,5	571	trong đô thị	17,76	118,38	317	33626
23	Khu dân cư và chợ Cốc xã Đình Trì, thành phố Bắc Giang	Thuộc xã Đình Trì, thành phố Bắc Giang	Công ty Cổ phần đầu tư Tây Bắc	86	6,19	tháng 1/2018-12/2019	1,77	215	trong đô thị	6,19	56		
24	Khu số 1 thuộc khu dân cư trung tâm xã Phồn Xương, huyện Yên Thế	Xã Phồn Xương, huyện Yên Thế	Công ty Cổ phần đầu tư Minh Hùng	242,76	19,98	tháng 3/2018-2/2020	6,84	707	ngoài đô thị	9	19,13		
25	Khu dân cư mới cạnh tỉnh lộ 299, xã Đình Trì, thành phố Bắc Giang	Xã Đình Trì, thành phố Bắc Giang	Liên danh Công ty CP xây dựng Thành Đô Bắc Giang và Công ty TNHH Ngọc Thơ	93,44	8,86	tháng 5/2018-3/2020	3,46	357	trong đô thị	8,82	24,3		

SĐT	Tên dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô (ha)	Thời gian thực hiện dự án	Diện tích đất ở (ha)	Số lô đất ở (lô)	Vị trí	Diện tích đã GPMB (ha)	Tổng chi phí đã thực hiện (tỷ)	Số lô đất ở đã chuyển nhượng	Diện tích đất ở đã chuyển nhượng (m ²)
26	Khu dân cư ở Phố 3, xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng	Xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng	Công ty CP Đầu tư Thiên An	58,8	5,2	tháng 5/2018-9/2019	1,86	202	trong đô thị		1,4		
27	Khu đô thị mới phía Nam thị trấn Thăng	Thị trấn Thăng, huyện Hiệp Hòa	Công ty Cổ phần đầu tư Tây Bắc		18,9	2018-2020	8,3	1037	trong đô thị				
28	Khu dân cư mới Đông Bắc, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên	Thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên	Công ty CP Xây dựng và dịch vụ TM Tuấn Quỳnh		16	2018-2020	5,53	577	trong đô thị				
II	Các dự án đã giao chủ đầu tư nhưng chưa được chấp thuận đầu tư			125,89	49,1463			5612		0	0	0	0
1	Khu dân cư mới xã Tam Dị	Xã Tam Dị, huyện Lục Nam	Liên danh Công ty CP xây dựng và Thương mại Duy Anh và Công ty TNHH Đại Hồng Phúc		19,9	2018-2020	7,7	850	ngoài đô thị				
2	Khu đô thị mới phía Nam thị trấn Nénh	Thị trấn Nénh, huyện Việt Yên	Công ty cổ phần xây dựng phát triển nhà và thương mại		18,77	2018-2020	8,2	1020	trong đô thị				
3	Khu dân cư dịch vụ Đại Phúc, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên	Xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên	Liên danh Công ty CP Kiến trúc Việt Bách, Công ty TNHH Đại Hoàng Dương và Công ty		7,67	2018-2020	3,13	326	ngoài đô thị				

STT	Tên dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô (ha)	Thời gian thực hiện dự án	Diện tích đất ở (ha)	Số lô đất ở (lô)	Vị trí	Diện tích đã GPMB (ha)	Tổng chi phí đã thực hiện (tỷ)	Số lô đất ở đã chuyển nhượng	Diện tích đất ở đã chuyển nhượng (m ²)
			CP cơ khí xây dựng Đại Mỗ										
4	KDC cảnh chợ Đa Mai, phường Đa Mai, TP Bắc Giang	phường Đa Mai, TP Bắc Giang	Công ty Nhật Quang (TNHH)		0,73	2018-2019	0,3	38	trong đô thị				
5	Khu dân cư số 2 khu phía Bắc thuộc Khu đô thị Tây Nam thành phố Bắc Giang	Xã Tân Mỹ, phường Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang	Công ty TNHH Lam Sơn		19,64	2018-2020	7	800	trong đô thị				
6	Khu dân cư mới phía Bắc, xã Hồng Thái, huyện Việt Yên	Xã Hồng Thái, huyện Việt Yên	Liên danh Công ty CP xây dựng Thành Đô Bắc Giang và Công ty TNHH Ngọc Thọ		4	2018-2020	1,55	175	ngoài đô thị				
7	Khu dân cư mới phường Thọ Xương, TP Bắc Giang	Phường Thọ Xương, TP Bắc Giang	Công ty CP Đầu tư Minh Hùng		6,68	2018-2021	2,004	251	trong đô thị				
8	Khu dân cư Vĩnh Ninh 1, phường Hoàng Văn Thụ, TP Bắc Giang	Phường Hoàng Văn Thụ, TP Bắc Giang	Công ty TNHH Nhân Trung		0,4015	2018-2019	0,1723	18	trong đô thị				
9	Khu dân cư phường Đình Ké, TP Bắc Giang	Phường Đình Ké, TP Bắc Giang	Công ty TNHH Thương Vũ		0,5	2018-2020	0,18	20	trong đô thị				

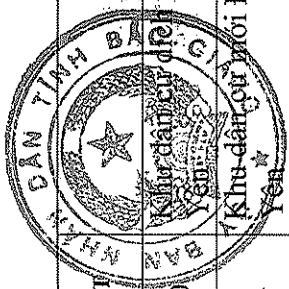


STT	Tên dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô (ha)	Thời gian thực hiện dự án	Diện tích đất ở (ha)	Số lô đất ở (lô)	Vị trí	Diện tích đã GPMB (ha)	Tổng chi phí đã thực hiện (tỷ)	Số lô đất ở đã chuyển nhượng	Diện tích đất ở đã chuyển nhượng (m ²)
10	Khu dân cư cạnh trường tiểu học Tân Tiến, thuộc khu 4 KĐT phía Nam, TP Bắc Giang	Khu đô thị phía nam, thành phố Bắc Giang	Liên danh Công ty CP Kiến trúc Việt Bách, Công ty TNHH Thương Vụ và Công ty CP cơ khí xây dựng Đại Mỗ		12,7	2018-2020	5,08	500	trong đô thị				
	Tổng cộng (38 dự án)				698,6		252,536	26.092		282	2.145	2.619	237.345

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN LỰA CHỌN CHỦ ĐẦU TƯ

STT	Tên dự án	Thời gian lựa chọn	Hình thức đấu thầu	Hình thức chỉ định thầu	Ghi chú
I	Thành phố Bắc Giang (14 dự án)				
1	Khu đô thị Bách Việt Lake Garden, phường Đình Kê	Năm 2013		Chỉ định thầu khi chỉ có 1 nhà đầu tư đăng ký	
2	Khu đô thị mới Kosy, phường Xương Giang	Năm 2013		Chỉ định thầu khi chỉ có 1 nhà đầu tư đăng ký	
3	Khu đô thị Đồng Cửa 2 phường Lê Lợi	Năm 2012		Chỉ định thầu khi chỉ có 1 nhà đầu tư đăng ký	
4	Khu dân cư số 4 trên TL295B xã Tân Mỹ	Năm 2017		Chỉ định thầu sau khi sơ tuyển	
5	Khu đô thị mới phường Mỹ Độ	Năm 2013		Chỉ định thầu khi chỉ có 1	

STT	Tên dự án	Thời gian lựa chọn	Hình thức đấu thầu	Hình thức chỉ định thầu	Ghi chú
6	Khu số 6, 7 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang			nhà đầu tư đăng ký	Giao thực hiện dự án để đối trừ cho dự án BT
7	Khu dân cư và chợ Cốc xã Đình Trị, thành phố Bắc Giang	Năm 2017		Chỉ định thầu sau khi sơ tuyển	
8	Khu dân cư mới cạnh tỉnh lộ 299, xã Đình Trị, thành phố Bắc Giang	Năm 2017		Chỉ định thầu sau khi sơ tuyển	
9	Khu dân cư mới phường Thọ Xương, TP Bắc Giang	Năm 2018		Chỉ định thầu sau khi sơ tuyển	
10	Khu dân cư cạnh chợ Đa Mai, phường Đa Mai, thành phố Bắc Giang	Năm 2017		Chỉ định thầu sau khi sơ tuyển	
11	Khu dân cư số 2 khu phía Bắc thuộc Khu đô thị Tây Nam thành phố Bắc Giang	Năm 2017		Chỉ định thầu sau khi sơ tuyển	
12	Khu dân cư Vĩnh Ninh 1, phường Hoàng Văn Thụ, TP Bắc Giang	Năm 2018		Chỉ định thầu sau khi sơ tuyển	
13	Khu dân cư phường Đình Kế, thành phố Bắc Giang	Năm 2018		Chỉ định thầu sau khi sơ tuyển	
14	Khu dân cư cạnh trường tiểu học Tân Tiến, thuộc Khu 4 Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang	Năm 2018		Chỉ định thầu sau khi sơ tuyển	
II	Huyện Việt Yên (08 dự án)				
15	Khu B thuộc khu đô thị mới Đình Trám - Sen Hồ	Năm 2012		Chỉ định thầu khi chỉ có 1 nhà đầu tư đăng ký	
16	Khu dân cư thương mại Chợ Mới thị trấn Bích Động	Năm 2012		Chỉ định thầu khi chỉ có 1 nhà đầu tư đăng ký	
17	Khu dân cư số 6 trên TL295B xã Hồng Thái	Năm 2017		Chỉ định thầu sau khi sơ tuyển	
18	Khu 4, khu dân cư mới thị trấn Bích Động	Năm 2016		Chỉ định thầu sau khi sơ tuyển	
19	Khu đô thị mới phía Nam thị trấn Nénh	Năm 2017		Chỉ định thầu sau khi sơ tuyển	



STT	Tên dự án	Thời gian lựa chọn	Hình thức đấu thầu	Hình thức chỉ định thầu	Ghi chú
20	Khu dân cư mới Dự án Dịch vụ Đại Phúc, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên	Năm 2017		Chỉ định thầu sau khi sơ tuyển	
21	Khu dân cư mới Đông Bắc, TT Bích Động, huyện Việt Yên	Năm 2018		Chỉ định thầu sau khi sơ tuyển	
22	Khu dân cư mới phía Bắc, xã Hồng Thái, huyện Việt Yên	Năm 2018		Chỉ định thầu sau khi sơ tuyển	
III	Huyện Hiệp Hòa (03 dự án)				
23	Khu dân cư mới số 3 thị trấn Thăng	Năm 2012		Chỉ định thầu khi chỉ có 1 nhà thầu đăng ký	
24	Khu đô thị mới phía Tây thị trấn Thăng	Năm 2012		Chỉ định thầu sau khi sơ tuyển	
25	Khu đô thị mới phía Nam thị trấn Thăng	Năm 2016		Chỉ định thầu sau khi sơ tuyển	
IV	Huyện Yên Thế (03 dự án)				
26	Khu 1 thuộc khu dân cư mới thị trấn Bố Hạ	Năm 2016		Chỉ định thầu sau khi sơ tuyển	
27	Khu dân cư mới thị trấn Cầu Gò	Năm 2016		Chỉ định thầu sau khi sơ tuyển	
28	Khu số 1 thuộc khu dân cư trung tâm xã Phồn Xương, huyện Yên Thế	Năm 2017		Chỉ định thầu sau khi sơ tuyển	
V	Huyện Tân Yên (02 dự án)				
29	Khu đô thị An Huy thị trấn Cao Thượng	Năm 2012		Chỉ định thầu khi chỉ có 1 nhà thầu đăng ký	
17					
30	Khu dân cư mới Chợ Vòng, huyện Tân Yên	Năm 2017	Đấu thầu rộng rãi		
VI	Huyện Lạng Giang (01 dự án)				
31	Khu đô thị mới phía Tây thị trấn Vôi	Năm 2012		Chỉ định thầu khi chỉ có 1 nhà thầu đăng ký	
VII	Huyện Lục Nam (03 dự án)				
32	Khu đô thị mới Đông Cửa thị trấn Đồi Ngô	Năm 2012		Chỉ định thầu khi chỉ có 1	

STT	Tên dự án	Thời gian lựa chọn	Hình thức đấu thầu	Hình thức chỉ định thầu	Ghi chú
33	Khu dân cư số 2, làn 2 Quốc lộ 31 thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam	Năm 2016		nhà thầu tư đăng ký Chỉ định thầu sau khi sơ tuyển	
34	Khu dân cư mới xã Tam Di, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	Năm 2017		Chỉ định thầu sau khi sơ tuyển	
VIII	Huyện Yên Dũng (03 dự án)				
35	Khu 1 khu dân cư Lạc Phú xã Nham Sơn huyện Yên Dũng	Năm 2014		Chỉ định thầu khi chỉ có 1 nhà thầu tư đăng ký	
36	Khu đô thị mới tiểu khu 2,3 thị trấn Neo	Năm 2012		Chỉ định thầu khi chỉ có 1 nhà thầu tư đăng ký	
37	Khu dân cư mới Lạc Phú 3, xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng	Năm 2017		Chỉ định thầu sau khi sơ tuyển	
	Tổng cộng (37 dự án)				

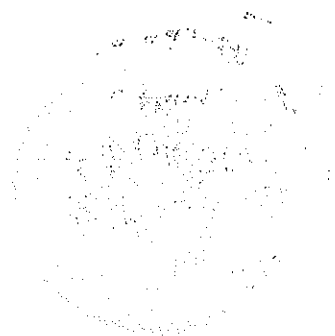
PHỤ LỤC
Các Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện



Thành phố Bắc Giang: Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 6/2/2015;
Huyện Hiệp Hòa: Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 6/2/2015;
Huyện Việt Yên: Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 10/2/2015
Huyện Tân Yên: Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 10/2/2015
Huyện Yên Thế: Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 10/2/2015
Huyện Sơn Đông: Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 10/2/2015
Huyện Lục Ngạn: Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 10/2/2015
Huyện Lục Nam: Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 10/2/2015
Huyện Lạng Giang: Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 6/2/2015
Huyện Yên Dũng: Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 10/2/2015

Năm 2016:

Thành phố Bắc Giang: Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 26/01/2016;
Huyện Hiệp Hòa: Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 01/2/2016
Huyện Việt Yên: Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 01/2/2016
Huyện Tân Yên: Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 26/01/2016
Huyện Yên Thế: Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 03/2/2016
Huyện Sơn Đông: Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 26/01/2016
Huyện Lục Ngạn: Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 26/01/2016
Huyện Lục Nam: Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 26/01/2016
Huyện Lạng Giang: Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 03/2/2016
Huyện Yên Dũng: Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 01/2/2016



Năm 2018.
 Thành phố Bắc Giang: Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 02/02/2018;
 Huyện Hiệp Hòa: Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 02/02/2018
 Huyện Việt Yên: Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 05/02/2018
 Huyện Tân Yên: Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 05/02/2018
 Huyện Yên Thế: Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 08/02/2018
 Huyện Sơn Đông: Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 02/02/2018
 Huyện Lục Ngạn: Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 02/02/2018
 Huyện Lục Nam: Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 02/02/2018
 Huyện Lạng Giang: Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 02/02/2018
 Huyện Yên Dũng: Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 02/02/2018.

Năm 2017.
 Thành phố Bắc Giang: Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 23/01/2017;
 Huyện Hiệp Hòa: Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 23/01/2017
 Huyện Việt Yên: Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 07/2/2017
 Huyện Tân Yên: Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 23/01/2017
 Huyện Yên Thế: Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 14/2/2017
 Huyện Sơn Đông: Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 07/2/2017
 Huyện Lục Ngạn: Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 23/01/2017
 Huyện Lục Nam: Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 23/01/2017
 Huyện Lạng Giang: Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 23/01/2017
 Huyện Yên Dũng: Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 23/01/2017





	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Tổng kinh phí được phân bổ	50.547.450.000	152.342.724.100
	Trung ương cấp	50.547.450.000	105.873.000.000
	Thu theo NQ 11	36.469.724.100	93.258.530.000
	Năm trước chuyển sang	10.000.000.000	17.508.000.000
2	Đã phân bổ	40.547.450.000	134.834.724.100
3	Còn lại chưa phân bổ (chuyên nguồn sang năm sau)	10.000.000.000	17.508.000.000
			20.000.000.000

Đvt: Đồng

Phụ lục:
 Tổng cục, sử dụng kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa
 khi chuyên mục đích sử dụng đất



